



BSC

952.91

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**20
13**

Thông Tin Chung

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VN

Giấy chứng nhận ĐKDN: 11/GP-UBCK

Vốn điều lệ: 865 tỷ đồng

Trụ sở chính: Tầng 10 – Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Tp. Hà nội

Chi nhánh: Tầng 9 – 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84 4 3935 2722 / 84 8 3812 8885

Fax: 84 4 2220 0669 / 84 8 3812 8510

Website: www.bsc.com.vn

Mục Lục

04 – 05	Thông điệp của Tổng Giám đốc
06 – 07	Những dấu ấn nổi bật
08 – 19	Giới thiệu chung về BSC
10 – 11	Quá trình hình thành và phát triển
12 – 13	Cơ cấu cổ đông
14 – 15	Cơ cấu tổ chức
16 – 19	HĐQT, Ban lãnh đạo, Ban giám đốc, Ban kiểm soát
20 – 49	Báo cáo kết quả hoạt động
50 – 51	Các hoạt động hướng tới cộng đồng
52 – 54	Quản trị doanh nghiệp
55 – 105	Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2013
	Thông tin khác



THÔNG DIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG, QUÝ KHÁCH HÀNG!

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC), tôi xin gửi tới Quý cổ đông, Quý Khách hàng lời chào trân trọng, cùng lời chúc sức khỏe và thành công, đồng thời bày tỏ sự tri ân đối với Quý cổ đông, Quý Khách hàng đã đồng hành, ủng hộ BSC trong suốt những năm qua,

Kính thưa quý vị,

Năm 2013, kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam, tuy có những tín hiệu khởi sắc, nhưng vẫn bộc lộ nhiều khó khăn, thách thức. Trong bối cảnh khó khăn đó, năm 2013 là một năm rất đặc biệt đối với BSC, khi lần đầu tiên sau 15 năm phát triển, BSC vươn lên vị trí thứ nhất về thị phần môi giới trái phiếu trên Sở GDCK Hà Nội (HNX), với thị phần 23,83%, gần bằng tổng số thị phần của 6 CTCK trong Top 10 CTCK có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất trên HNX cộng lại. Công ty cũng có tên trong Top 10 CTCK có thị phần môi giới cổ phiếu và trái phiếu lớn nhất trên Sở GDCK TP.HCM.

Trong năm qua, BSC đã và đang triển khai đồng bộ các chiến lược phát triển nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và hiện đại hóa công nghệ giao dịch, quản trị rủi ro, cung cấp các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao cho TTCK, đặc biệt là các sản phẩm ngân hàng đầu tư, tư vấn tài chính. Thực hiện cam kết không ngừng nâng cao chất lượng, dịch vụ, gia tăng niềm tin nơi khách hàng.

Dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin đã được BSC đưa vào vận hành phục vụ khách hàng, nhà đầu tư từ đầu năm nay. Việc vận hành Dự án này đã làm thay đổi căn bản hệ

thống quản trị dữ liệu, nâng cấp thiết bị phần cứng, đổi mới các phần mềm nội bộ và phần mềm giao tiếp với khách hàng. Qua đó, giúp BSC nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng khả năng phát triển các sản phẩm mới, đảm bảo năng lực quản trị rủi ro.

Ngoài ra, trên cơ sở hợp đồng tư vấn hỗ trợ thiết lập khung quản trị rủi ro ký giữa BSC và Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, hệ thống quản trị rủi ro tại BSC được chuẩn hóa theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Và khi đưa vào vận hành trong năm nay, hệ thống vừa mang lại lợi ích lớn hơn cho khách hàng, vừa đảm bảo cho chiến lược tăng tốc bền vững của BSC đạt hiệu quả cao.

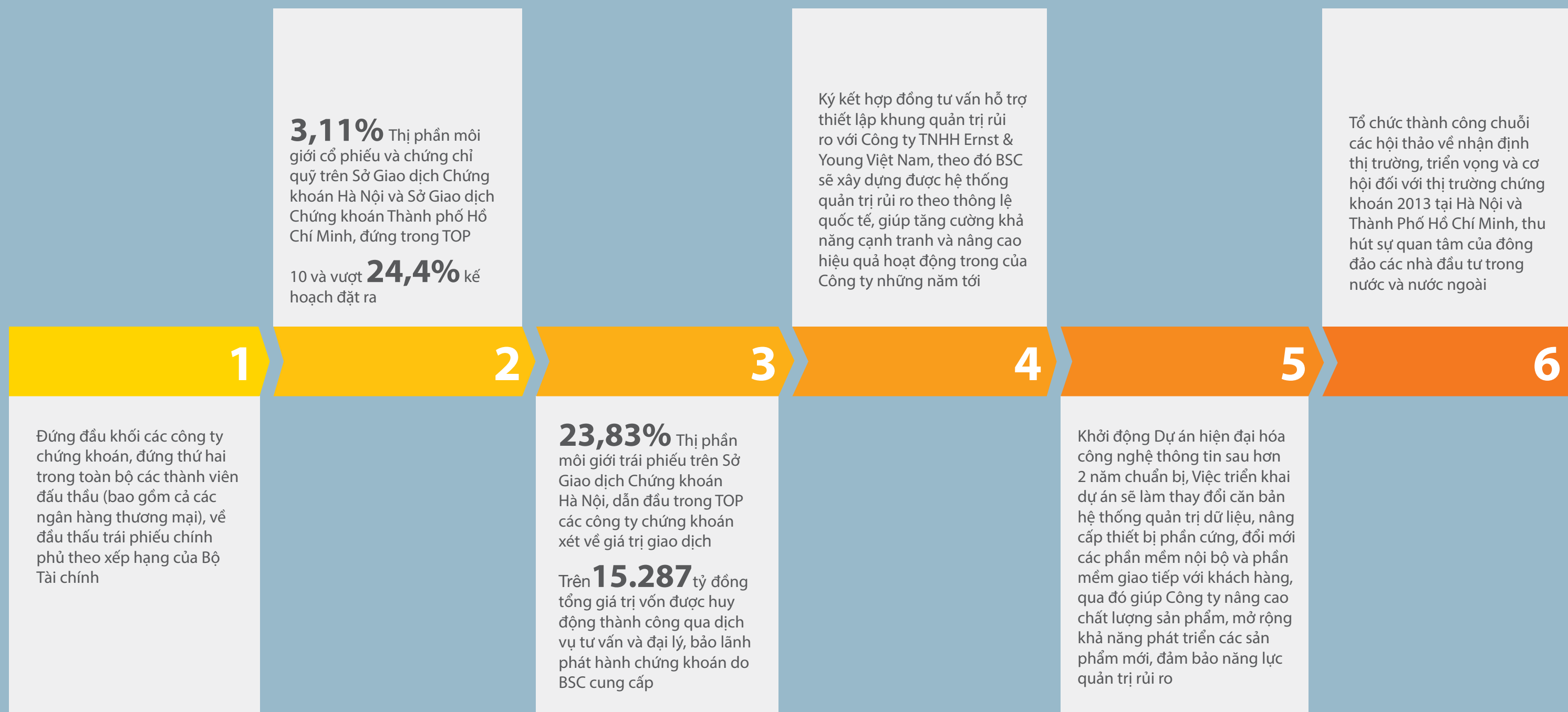
Năm 2014, TTCK được dự báo sẽ khởi sắc hơn. Điều này hứa hẹn mở ra cơ hội mới. Để tận dụng tối đa những cơ hội này, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV của BSC đang không ngừng làm việc sáng tạo, với tinh thần chia sẻ và hợp tác nhân văn, kinh doanh hiệu quả, hoàn thiện thể chế, đồng bộ hóa các hoạt động, cải thiện cơ bản năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, hoàn thành đề án tái cấu trúc HĐQT phê duyệt.

Thưa Quý vị,

Một lần nữa, thay mặt cho Ban lãnh đạo BSC, tôi xin gửi lời tri ân chân thành đến Quý cổ đông, Quý Khách hàng vì sự tin tưởng, ủng hộ BSC và rất mong tiếp tục nhận được sự hợp tác của Quý vị trong thời gian tới.

Tổng giám đốc
Đỗ Huy Hoài

Các sự kiện nổi bật trong năm



Giới thiệu chung về BSC



Ngành nghề kinh doanh

BSC hoạt động theo Giấy phép số 111/GP-UBCK ngày 31/12/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (và các giấy phép sửa đổi, bổ sung) với đầy đủ nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, bao gồm:

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Môi giới chứng khoán

Tự doanh chứng khoán

Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Tư vấn đầu tư chứng khoán và nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán

Lưu ký chứng khoán

SỨ MỆNH

- Tạo giá trị mới bằng đóng góp và chia sẻ tri thức mới

TẦM NHÌN

- BSC phấn đấu trở thành công ty có uy tín hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam về chất lượng sản phẩm dịch vụ đem lại những giá trị tốt nhất cho nhà đầu tư

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Sản phẩm, dịch vụ: Giá trị của BSC nằm ở giá trị phát triển dài hạn của khách hàng mà sản phẩm, dịch vụ mang lại.
- Đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm và sáng tạo, đồng hành và gắn bó với quá trình phát triển của công ty luôn được xem là tài sản quý nhất của BSC.
- Cơ sở hạ tầng tiên tiến: cơ sở hạ tầng hiện đại, luôn được tập trung đầu tư và khai thác hiệu quả, tạo ra động lực quan trọng cho quá trình phát triển chất lượng sản phẩm và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của BSC.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ để phục vụ hiệu quả và làm hài lòng tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực, xây dựng một đội ngũ nhân viên có khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời phù hợp với thị trường trong nước.
- Đi tiên phong trong việc phát triển các công cụ hỗ trợ hiệu quả, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản phẩm giao dịch điện tử, hướng đến các tiêu chí thuận tiện, dễ sử dụng, tốc độ nhanh, an toàn, bảo mật và hiệu quả tối ưu cho khách hàng.

Giới thiệu chung về BSC

Quá trình hình thành và phát triển

năm 1999

Được cấp phép thành lập ngày 26/11/1999, với tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) – có trụ sở tại Hà Nội, Công ty vinh dự trở thành Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cũng là một trong hai công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam

năm 2000

Ngày 07/07/2000, Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh được đưa vào hoạt động, công ty chính thức mở rộng thị trường hoạt động tại khu vực phía nam

năm 2003

Công ty được cấp Chứng chỉ Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 do BVQI cấp và là công ty chứng khoán đầu tiên được nhận chứng chỉ này

năm 2005

Công ty được nhận bằng khen của UBND TP Hồ Chí Minh về việc tổ chức bán đấu giá thành công cổ phần của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam trên HSX

năm 2009

Công ty được HNX tôn vinh là 1 trong 15 công ty chứng khoán tiêu biểu trong số gần 100 thành viên tại HNX theo năm tiêu chí do HNX xác định

năm 2010

Cuối năm 2010, với định hướng phát triển của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và đấu giá thành công 10.195.750 cổ phần lần đầu tiên ra công chúng vào ngày 17/11/2010

Đây là một bước ngoặt lớn đánh dấu sự trưởng thành của công ty và cũng mở ra một chặng đường đầy thách thức với toàn thể Ban lãnh đạo cũng như cán bộ nhân viên khi công ty chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh từ công ty TNHH Nhà nước một thành viên sang mô hình công ty cổ phần

năm 2011

Từ 01/01/2011 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng, đi vào hoạt động với mô hình mới

Ngày 19/07/2011, Công ty đã chính thức niêm yết hơn 85 triệu cổ phiếu trên sàn HSX và giao dịch phiên đầu tiên với giá khởi điểm 10,300 VNĐ/ CP, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của công ty

Cũng trong năm 2011, BSC vinh hạnh được đón nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng vì sự nghiệp đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán. Và nhận giải thưởng “Công ty tư vấn chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2010” do Diễn đàn Kinh tế Việt Nam và báo Vietnamnet bình chọn

năm 2012

Năm 2012 là năm ghi nhận dấu ấn nổi bật của dịch vụ tư vấn tài chính. Bên cạnh tính hiệu quả trong các dịch vụ tư vấn truyền thống, Công ty đã tạo dựng được phong cách chuyên biệt trong các dịch vụ chất lượng cao như tư vấn mua bán sáp nhập M&A, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp

Công ty đã thực hiện giới thiệu được một số cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp với quy mô lớn ra thị trường cùng với ngân hàng mẹ; và tham gia đấu thầu thành công, trong liên danh 03 bên với Morgan Stanley và Citi Group; thực hiện gói dịch vụ cổ phần hóa cho Vietnam Airlines

năm 2013

Năm 2013 đánh dấu những bước chân đầu tiên quay trở lại TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu của hai sàn

Công ty giữ vị trí thứ 9 trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu trên cả HOSE và HNX năm 2013, (Trong quý 3, 4/2013 BSC xếp thứ 7 trong TOP10 thị phần môi giới chứng khoán HNX)

Năm 2013 cũng là một năm ghi nhận nỗ lực của BSC trong hoạt động môi giới trái phiếu. Công ty đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu trong TOP10 thị phần môi giới trái phiếu HNX năm 2013.

Giới thiệu chung về BSC

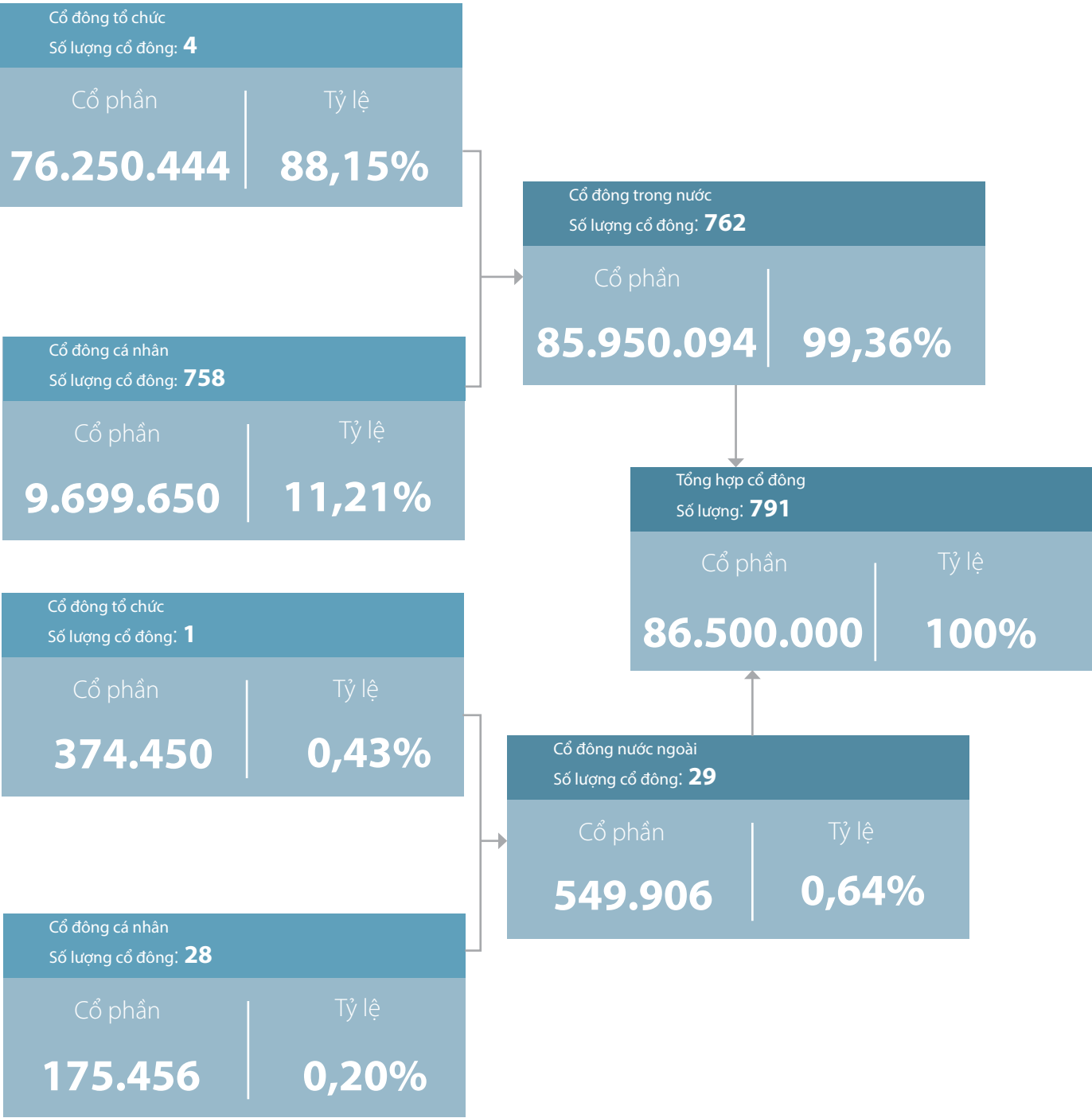
Cơ cấu cổ đông

Cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành: **86.500.000** cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng

Cổ đông
Cổ đông sáng lập

Họ và tên	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0100150619	35 Hàng Vôi Hoàn Kiếm – Hà Nội	76.225.330	88,12%
TỔNG			76.225.330	88,12%

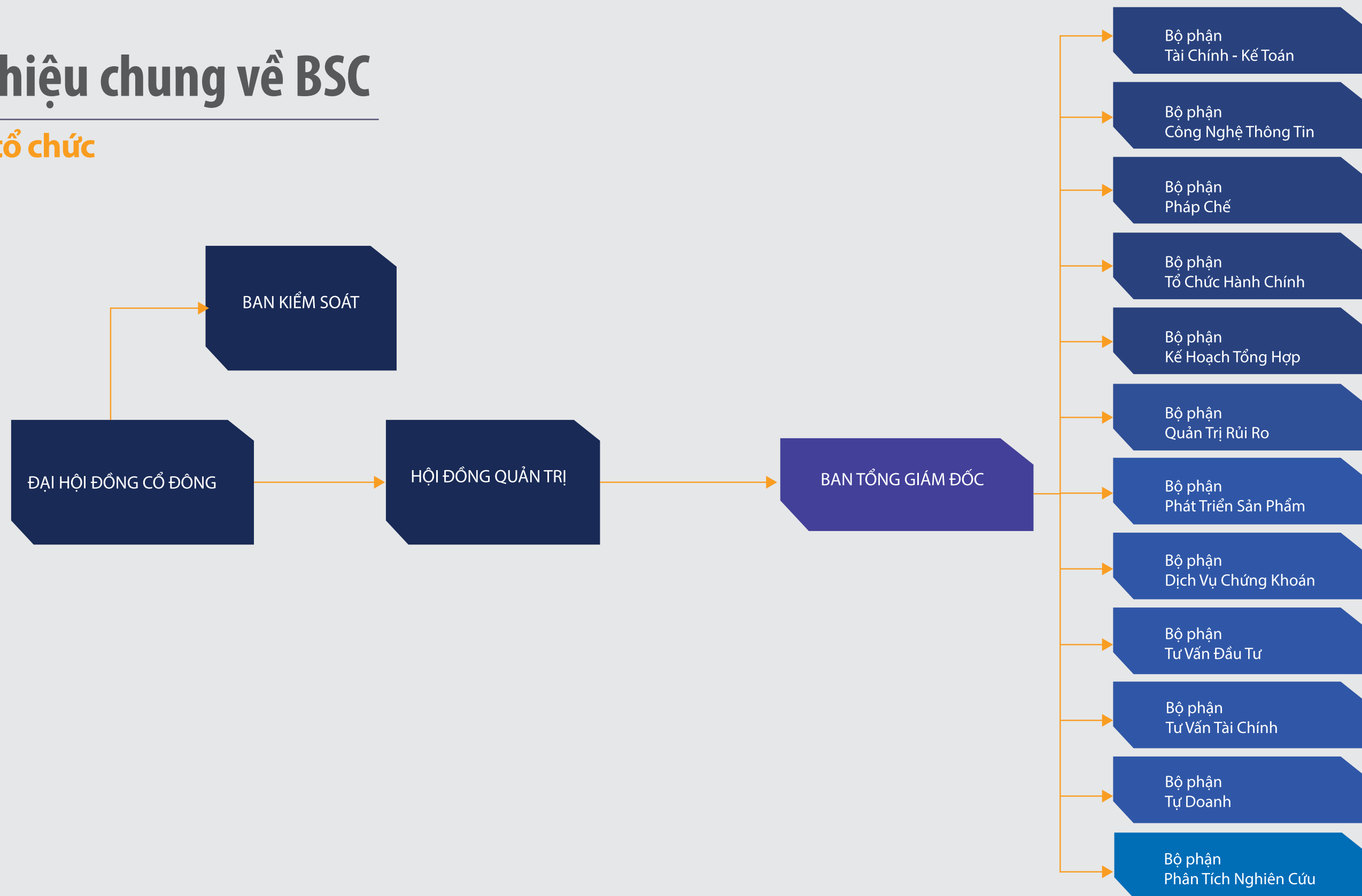
Là đơn vị thành viên của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, ngay từ ngày đầu thành lập và hoạt động BSC đã có một nền tảng vững chắc về khung nhân sự chủ chốt, nền tảng tri thức và kinh nghiệm, văn hóa doanh nghiệp và cơ sở khách hàng đồ sộ. Mạng lưới chi nhánh rộng khắp và cơ cấu khách hàng của BIDV là cơ hội để BSC phát triển mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ của mình đến với khách hàng cá nhân và tổ chức.



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi trong năm 2013
Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2013
Các chứng khoán khác: Không phát hành chứng khoán trong năm 2013

Giới thiệu chung về BSC

Cơ cấu tổ chức



Ban quản trị



Chủ tịch HĐQT

Ông **Hoàng Huy Hà**

Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ năm 1986 và hiện đang là Ủy viên HĐQT BIDV
Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 31/7/2011



Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông **Đỗ Huy Hoài**

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng ĐH Kinh tế Quốc dân

Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 02/1988 và hiện đang là Tổng Giám đốc BSC
Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 17/12/2010



Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông **Trần Phương**

Thạc sỹ Tài chính - Đại học New South Wales - Úc

Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ năm 10/1997
Hiện đang là Phó Tổng Giám đốc BIDV
Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 17/12/2010



Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông **Nguyễn Quốc Hưng**

Thạc sỹ tài chính Ngân hàng ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 12/1999 hiện đang là Phó Giám đốc Ban Đầu tư BIDV
Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 17/12/2010

Ban kiểm soát



Trưởng Ban kiểm soát

Bà **Bùi Thị Hòa**

Cử nhân tài chính kế toán – Học viện tài chính

Quá trình công tác : Công tác tại BIDV từ tháng 12/1999 hiện đang là Phó Giám đốc SGD3
Được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát BSC ngày 17/12/2010



Thành viên Ban kiểm soát

Bà **Hoàng Thị Hương**

Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác : Công tác tại BIDV từ tháng 12/1997 hiện đang là Trưởng phòng - Ban Kiểm tra và giám sát BIDV
Được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát BSC ngày 17/12/2010



Thành viên Ban kiểm soát

Ông **Trần Minh Hải**

Cử nhân tài chính ngân hàng – Học viện ngân hàng

Quá trình công tác : Công tác tại BIDV từ năm 1997 hiện đang là chuyên viên Phòng Quản trị rủi ro BSC
Được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát BSC ngày 31/07/2011

Ban quản trị



Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Huy Hoài

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng –
ĐH Kinh tế Quốc dân

Quá trình công tác: Công tác tại
BIDV từ tháng 02/1988
Được bổ nhiệm Tổng Giám đốc BSC
vào 01/01/2007



Phó Tổng Giám đốc

Bà **Trần Thị Thu Thanh**

Cử nhân Học Viện Ngân hàng

Quá trình công tác: Công tác tại BIDV
từ 1998
Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc
BSC vào ngày 01/04/2008



Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP, HCM

Ông **Lê Quang Huy**

Cử nhân Tài chính Ngân Hàng – ĐH
KTQD

Quá trình công tác: Công tác tại BIDV
từ 2002
Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc
vào ngày 15/05/2012.
Được bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh
Tp.Hồ Chí Minh ngày 01/11/2013.



Báo cáo kết quả hoạt động

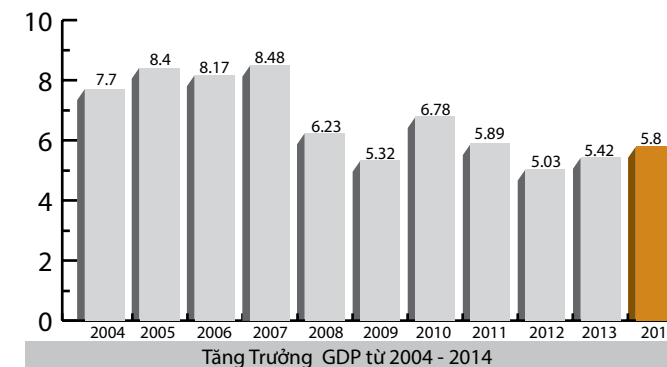
Tình hình kinh tế vĩ mô

Cùng với sự phục hồi của các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU và Trung Quốc, kinh tế Việt Nam năm 2013 cũng có sự cải thiện rõ rệt vượt dự báo của nhiều tổ chức. Chính sách tài khóa và tiền tệ được duy trì ổn định là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp bước đầu khôi phục sản xuất.

Nền kinh tế duy trì tốt sự ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát

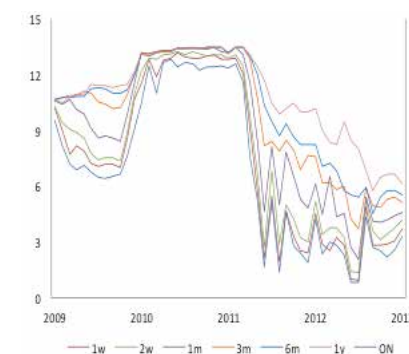
Kinh tế đang đi lên từ đáy, GDP năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012, vượt dự báo của nhiều tổ chức nước ngoài, nền kinh tế đã cho thấy sự cải thiện, dù tốc độ phục hồi còn chậm nhưng cũng đã có những dấu hiệu tích cực hơn.

Kinh tế đang đi lên từ đáy, GDP năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012, vượt dự báo của nhiều tổ chức nước ngoài. Nền kinh tế đã cho thấy sự cải thiện, dù tốc độ phục hồi còn chậm nhưng cũng đã có những dấu hiệu tích cực hơn.



Sức cầu trong nước phục hồi nhẹ, vốn FDI tiếp tục tăng mạnh

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 21,6 tỷ USD tăng 54,5% so với 2012. Vốn FDI giải ngân năm 2013 ước tính đạt 11,5 tỷ USD, tăng 9,9% so với năm 2012. FDI 2013 tập trung vào ngành sản xuất (77%), và chủ yếu đến từ Châu Á như Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc và Nhật Bản. Việt Nam xuất siêu năm thứ 2 liên tiếp sau 20 năm nhập siêu. Năm 2013, Việt Nam xuất siêu 863 triệu USD, bằng 0,65% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu.



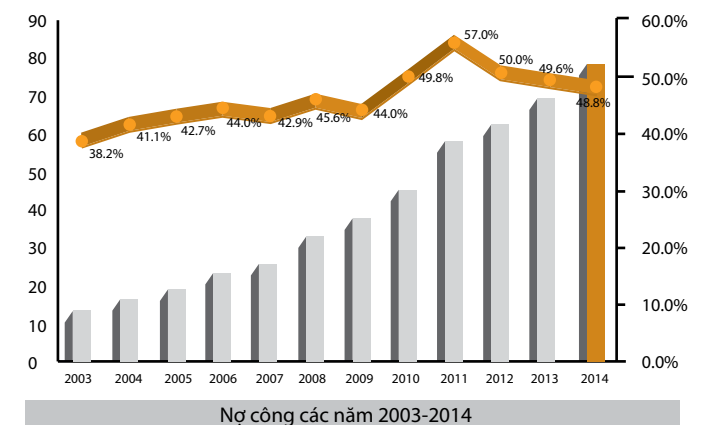
Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ được điều hành, phối hợp một cách nhịp nhàng, linh hoạt

Lãi suất điều hành chủ chốt giảm 2% trong năm 2013: Trong năm 2013, trước tình hình lạm phát hạ nhiệt và duy trì ổn định, NHNN đã thực thi chính sách tiền tệ nới lỏng có kiểm soát bằng việc tiếp tục giảm thêm 2% các lãi suất điều hành chủ chốt.

Lãi suất huy động và cho vay giảm. Cùng với kỳ vọng lạm phát giảm nhanh, thanh khoản giữ ổn định mặt bằng lãi suất 2013 đã tiếp tục được giảm xuống. So với thời điểm cuối năm 2012, lãi suất cho vay giảm từ 2,5% - 3,5% đối với kỳ hạn ngắn, từ 4% - 4,5% đối với trung và dài hạn.

Tăng trưởng tín dụng vượt mục tiêu, đạt 12,5% trong năm 2013. Giống như năm 2012, tăng trưởng tín dụng 2013 chậm trong nửa đầu năm nhưng đã có những cải thiện rõ rệt vào những tháng cuối năm.

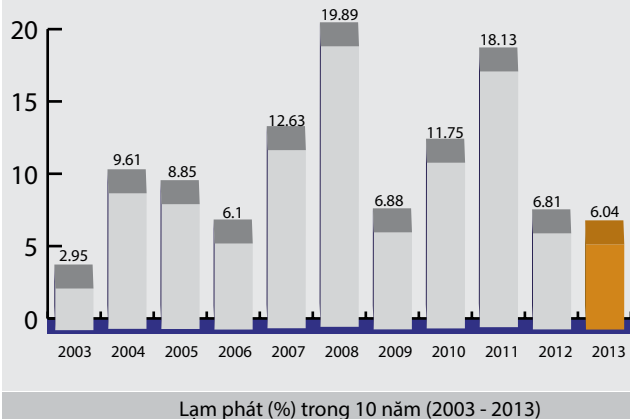
Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) ra đời và mua nợ xấu các ngân hàng. Bên cạnh VAMC bản thân các tổ chức tín dụng cũng đã tích cực trích lập dự phòng rủi ro và chủ động xử lý một khối lượng lớn nợ xấu bằng nguồn dự phòng. Tổng số nợ xấu đã được xử lý và đưa ra theo dõi ngoại bảng trong năm 2013 là khoảng 50 nghìn tỷ đồng. **Bội chi ngân sách Nhà nước năm 2013 ở mức 5,3% GDP, vượt mức 4,8% dự toán từ đầu năm.** Bội chi ngân sách vượt dự toán do nền kinh tế vẫn còn khó khăn, tình trạng nợ đọng thuế, trốn thuế khiến nguồn thu bị giảm sút. Về phía chi vẫn tồn tại tình trạng chi chưa hợp lý gây lãng phí.



Lạm phát trong tầm kiểm soát

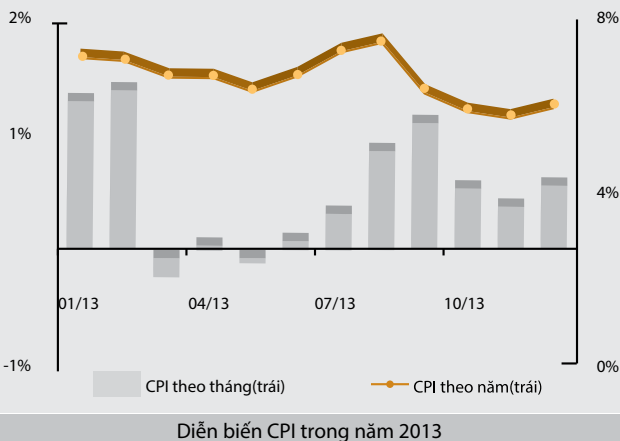
Lạm phát lần đầu tiên trong 10 năm ổn định ở mức 6,04%. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm 2013 tăng 6,04% so với năm 2012 (yoy). Như vậy năm nay là năm mà CPI tăng thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

Năm 2013 tỷ giá được giữ ở mức ổn định. Trong năm, Ngân hàng nhà nước chỉ điều chỉnh 1 lần duy nhất tăng 1% tỷ giá VND/USD (ngày 28-6-2013) từ mức 20.828 VND/USD lên 21.036 VND/USD. Sự ổn định tỷ giá 2 năm gần đây đặc biệt quan trọng trong việc kích thích dòng vốn đầu tư nước ngoài quay trở lại.



Nền kinh tế duy trì tốt sự ổn định

Năm 2013 tỷ giá được giữ ở mức ổn định. Trong năm, Ngân hàng nhà nước chỉ điều chỉnh 1 lần duy nhất tăng 1% tỷ giá VND/USD (ngày 28-6-2013) từ mức 20.828 VND/USD lên 21.036 VND/USD. Sự ổn định tỷ giá 2 năm gần đây đặc biệt quan trọng trong việc kích thích dòng vốn đầu tư nước ngoài quay trở lại.



Báo cáo kết quả hoạt động

Thị trường chứng khoán năm 2013



Thị trường chứng khoán năm 2013 tăng 21,97% tốt nhất trong 4 năm từ 2010 đến nay. Chốt phiên ngày 31/12, VNIndex đóng cửa ở mức 504,63 điểm (tăng 21,97% yoy), trong khi HNXIndex chốt tại 67,84 điểm (18,83% yoy).

Thanh khoản và diễn biến Vnindex tốt nhất kể từ năm 2010. Bức tranh kinh tế vĩ mô phần nào đã đi vào ổn định với nhiều gam màu sáng về lạm phát, tỷ giá, lãi suất, xuất khẩu và đầu tư trực tiếp. Xu hướng tăng giá trong năm 2013 ổn định hơn 2012 nhờ sự tăng giá của các cổ phiếu trụ cột, và sự phục hồi giá mạnh của các nhóm cổ phiếu giảm sâu như BĐS, tài chính, vận tải,...

Dòng tiền tập trung trên sàn HSX, mặt bằng giá mới hình thành. Giao dịch bình quân 2 sàn năm 2013 lượng và giá trị giao dịch bình quân trên HSX tăng lần lượt 27% và 21%, trong khi đó HNX giảm lần lượt 11% và 26%. Điều này cho thấy dòng tiền có xu hướng tập trung nhiều trên thị trường HSX trong năm 2013. Thanh khoản bình quân trong năm 2013 khá ổn định và có xu hướng tăng trở lại vào cuối năm.

Quy mô vốn hóa tăng 23,7%, tương đương 30% GDP, quy mô vốn hóa của 2 sàn ở mức 949 nghìn tỷ, tương đương với khoảng 30% GDP. Mức tăng trưởng vốn hóa trong năm 2013 khoảng 23,7%, tăng nhẹ khoảng 3,7% so với mức tăng giá bình quân 20% chung của thị trường, 37 cổ phiếu hủy niêm yết, chuyển sang sàn UPCOM trong năm 2013, trong đó, PVF là trường hợp điển hình khi hủy niêm yết 600 triệu cổ phiếu trên HSX do công ty phải tiến hành sát nhập với Western Bank.

Dòng vốn ngoại mua ròng 6,824 tỷ, tăng 53,1% so với năm 2012. Số lượng Tài khoản NĐT Nước ngoài mở mới năm 2013 đạt 676 tài khoản tăng mạnh 56% so với cùng kỳ 2012 Việt Nam là một trong số ít các nước có dòng vốn ngoại dương và tăng trưởng cho dù quy mô vẫn còn khá khiêm tốn. Đây là tín hiệu đáng mừng cho thấy Nhà đầu tư nước ngoài đang quan tâm thị trường Việt Nam trở lại.

P/E và P/B của VNIndex đang ở mức hấp dẫn so với các nước trong khu vực, P/E và P/B của VNIndex lần lượt ở mức 12,6 và 1,77. Kết quả kinh doanh cải thiện khiến mặt bằng P/E giảm khá nhanh. Nếu so sánh với các thị trường biên và các thị trường trong khu vực, chỉ số P/E HSX rẻ thứ 5 trong số 20 thị trường theo dõi.

TTCK chuyển động theo vòng xoáy tăng trưởng của các nhóm cổ phiếu, MidCap, Large Cap và Bluechips, nhóm cổ phiếu MidCap, LargeCap và Bluechips lần lượt đứng 3 vị trí đầu tiên với mức tăng lần lượt 36,6%, 28,9% và 24,7% trong năm 2013. Nhóm cổ phiếu BCs và LargeCap tăng khá mạnh và luôn dẫn dắt thị trường trong 6 tháng đầu năm và đi ngang 6 tháng cuối năm.

Năm 2013 khép lại với nhiều nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô và sự khởi sắc của thị trường chứng khoán trong những tháng cuối năm, các công ty chứng khoán nói chung đã có môi trường thuận lợi để quay trở lại với các hoạt động dịch vụ và tự đầu tư.

Báo cáo kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động

Khái quát chung

Năm 2013 đánh dấu những bước chân đầu tiên của BSC quay trở lại TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ của hai sàn sau 5 năm củng cố và kiện toàn. Trong mảng môi giới trái phiếu, BSC đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu trong TOP10 tại HNX và là thành viên đầu thầu trái phiếu chính phủ đứng đầu khối công ty chứng khoán. Ngoài việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2013 do ĐHĐCĐ giao, BSC khẳng định được

thương hiệu thông qua các xếp hạng chính thức và một số giao dịch lớn trên thị trường như mảng kinh doanh trái phiếu, tư vấn tài chính. Trong thành công chung đó không thể không kể đến những đóng góp lặng thầm của đội ngũ hỗ trợ mà nổi bật là dự án quản trị rủi ro và dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin.

Bảng kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013 (Đơn vị: triệu đồng)

Nội dung	Năm 2012	Kế hoạch 2013*	Thực hiện năm 2013	% KH năm	% TH so với 2012
I, Chỉ tiêu quy mô					
1, Tổng doanh thu hoạt động	221.436	115.632	220.653	191%	100%
2, Tổng chi phí hoạt động	(200.380)	(112.602)	(205.528)	182%	103%
3, Tổng tài sản	1.307.711		1.541.837		118%
Trong đó: đầu tư tài chính	879.06		914.857		104%
4, Tổng vốn chủ sở hữu	677.545		692.445		102%
II, Chỉ tiêu chất lượng					
Thị phần môi giới	2,19%	2,50%	3,11%	124%	142%
Tỷ lệ vốn khả dụng	172%		204%		119%
III, Chỉ tiêu hiệu quả					
Lợi nhuận trước thuế	21.304	3.03	15.125	499%	71%

- **Cơ cấu doanh thu tiếp tục chuyển dịch với định hướng hoạt động dịch vụ trở thành hoạt động nòng cốt mang lại lợi nhuận** chủ yếu cho Công ty. Tỷ trọng doanh thu từ các dịch vụ tư vấn và môi giới tăng từ 15% năm 2011 lên 32% năm 2012 và 39% năm 2013. Với những định hướng phù hợp về chiến lược thị trường, sản phẩm và nhân sự; doanh thu từ hoạt động dịch vụ tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ qua các năm, đạt tốc độ tăng trưởng các năm 2012 – 2013 là 129% và 23% so với năm trước.
- **Thị phần môi giới đã có sự cải thiện mạnh mẽ so với năm 2012, thị phần môi giới tăng 42%** nhờ các biện hỗ trợ và khách hàng đại chúng, truyền thông sâu rộng các sản phẩm môi giới của BSC đến tất cả các khách hàng, bộ phận phát triển sản phẩm đã phát huy được sự nhạy bén, linh hoạt, đáp ứng được nhu cầu khách hàng và sự thay đổi của thị trường.
- **Hoạt động đầu tư tài chính được tăng cường kiểm soát rủi ro, cơ cấu danh mục theo hướng gia tăng thanh khoản.** Ngay từ đầu năm việc cơ cấu danh mục đã được thực hiện khá quyết liệt nên danh mục đầu tư phản ánh sát hơn với giá trị thị trường, Ưu tiên cho hoạt động trading với chiến lược quay vòng vốn nhanh và xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro hiệu quả, hạn chế rủi ro mang tính tác nghiệp cũng như có tính chiến lược.
- **Công tác quản trị tiếp tục thể hiện được hiệu quả một cách rõ nét.** Chi phí được kiểm soát chặt chẽ qua hệ thống định mức, kế hoạch. Công tác giao và đánh giá kế hoạch kinh doanh gắn với mục tiêu lợi nhuận được triển khai tới từng phòng – đơn vị kinh doanh. Năng suất lao động được nâng cao thông qua công tác quản trị nhân sự, hệ thống công cụ KPI, triển khai thực hiện

trả lương theo vị trí công việc và hiệu suất lao động và cũng qua đó giám sát thực hiện chỉ tiêu kinh doanh theo đúng kế hoạch đề ra.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, BSC cũng ý thức rất rõ về những hạn chế cần khắc phục, đó là

- Với sự lớn mạnh ngày càng vững chắc của các công ty chứng khoán trên thị trường, chế độ đãi ngộ của BSC chưa đủ hấp dẫn để có thể cạnh tranh thu hút những nhân sự cao cấp. Điều này đã để lại một số ảnh hưởng khá sâu sắc và những khoảng trống chưa thể lấp đầy ngay trong giai đoạn thị trường có chuyển biến tích cực do sự thiếu hụt về nhân sự tại các bộ phận trọng yếu như tư vấn tài chính, tự doanh cổ phiếu, phân tích ...
- Cơ chế chia sẻ phí đối với các mảng hoạt động kinh doanh của Công ty chưa được thể chế hóa để nâng cao khả năng linh hoạt, và trao quyền tự quyết nhất định cho khối kinh doanh.
- Ngoài sự cạnh tranh về chính sách phí, cạnh tranh về sản phẩm tiện ích cũng ngày sâu sắc, trong khi đó nền tảng hạ tầng công nghệ dịch vụ của BSC mới đang được tiến hành hiện đại hóatrong 2013 nên chưa thể theo kịp với thị trường.
- Dù đạt được một số thành tựu đáng kể trong các mảng kinh doanh trái phiếu, tư vấn tài chính. Công ty cần đa dạng hóa nền khách hàng, khai thác tối đa nguồn thu dịch vụ từ mỗi khách hàng, tạo nguồn thu nhập ổn định và cân đối từ những nhóm khách hàng khách nhau, trong đó tùy theo định hướng và tình hình tại mỗi thời điểm cụ thể để xác định khối khách hàng trọng tâm.



Báo cáo kết quả hoạt động

Khối Môi giới



MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU

BSC chiếm 23,8% thị phần môi giới trái phiếu, đứng đầu thị trường và đứng thứ hai về thị phần đầu thầu trái phiếu cho khách hàng, chỉ sau BIDV. Có được những thành công trên là do BSC đã xuất sắc tận dụng mạng lưới rộng lớn, đồng thời khẳng định bản lĩnh của mình qua uy tín và tính chuyên nghiệp trong quá trình thực hiện giao dịch.

MÔI GIỚI CỔ PHIẾU

Năm 2013, thị phần môi giới đạt 3,11% tăng 24,4% so với kế hoạch đề ra. Thanh khoản thị trường ở mức 1.387 tỷ đồng cao hơn 16% so với dự báo, nhờ đó doanh thu môi giới 44,7 tỷ đồng tăng 37% so với năm 2012. Lợi nhuận của khối môi giới năm 2013 tăng 51 % năm 2012,

Tháng	Thị phần	Giá trị giao dịch
2013-01	2,82%	2.259.948.707.800
2013-02	2,99%	1.587.080.805.300
2013-03	2,47%	1.252.883.929.700
2013-04	2,89%	1.324.901.729.500
2013-05	2,51%	1.682.302.732.200
2013-06	2,97%	1.867.118.815.600
2013-07	3,85%	1.899.961.266.800
2013-08	3,15%	1.408.621.236.30
2013-09	3,32%	1.345.304.082.200
2013-10	3,47%	2.070.916.598.70
2013-11	3,43%	2.234.130.391.40
2013-12	3,54%	2.742.224.651.800

MÔI GIỚI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam đang có sự cạnh tranh gay gắt về thị phần, BSC luôn không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới, thu hút thêm nhiều tổ chức tài chính đầu tư vào thị trường. Năm 2013, tổng số số tài khoản khách hàng tổ chức tại BSC đã tăng đáng kể với giá trị giao dịch ổn định.

Phát triển khối Khách hàng tổ chức là mục tiêu trọng tâm của BSC trong thời gian tới, đặc biệt trước những thông tin tích cực như nới “room” cho các nhà đầu tư nước ngoài, Việt Nam gia nhập hiệp định thương mại TPP. Là một hoạt động thường niên của khối môi giới và tư vấn đầu tư, trong năm 2013 BSC đã tổ chức những chuyển tiếp xúc tới các tổ chức tài chính tại Hồng Kông, Đài Loan, Singapore, Nhật Bản để giới thiệu, quảng bá về thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chuyển tiếp xúc này không chỉ cung cấp các thông tin và triển vọng thị trường trực tiếp tới các nhà đầu tư nước ngoài mà còn là dịp để BSC khẳng định hình ảnh, vị thế và định hướng phát triển của mình trước các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các tổ chức đầu tư chuyên nghiệp.

MÔI GIỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Môi giới khách hàng cá nhân đã và đang đóng góp nguồn doanh thu quan trọng cho Công ty trong nhiều năm qua. Đạt được kết quả trên thì bên cạnh việc liên tục cập nhật điều chỉnh cơ chế lương theo doanh thu, Công ty đã triển khai một số biện pháp để tăng cường công tác sale và chăm sóc khách hàng ngay từ đầu năm, cụ thể:

- Tích cực triển khai các hoạt động chăm sóc, thu hút được một số lượng lớn khách hàng cũ giao dịch trở lại và thúc đẩy mạnh giá trị giao dịch của các khách hàng vip mới.
- Nghiên cứu và triển khai các sản phẩm tài chính mới bao gồm cho vay thấu chi (từ tháng 7/2013), cho vay cầm cố chứng khoán (dự kiến triển khai từ năm 2014),



MÔI GIỚI KHÁCH HÀNG ĐIỂM HỖ TRỢ GIAO DỊCH

Tận dụng lợi thế từ BIDV, BSC đã và đang phát triển các Điểm Hỗ Trợ (ĐHT) giao dịch mở rộng mạng lưới tới các tỉnh thành phố:

Các điểm hỗ trợ (ĐHT) giao dịch chứng khoán của BSC hiện triển khai tại một số Chi nhánh của BIDV. Các điểm hỗ trợ sẽ hỗ trợ BSC thực hiện việc phát triển khách hàng và các công tác hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán, cung cấp sản phẩm dịch vụ khoán của BSC đến với khách hàng trong phạm vi địa bàn khai thác của điểm hỗ trợ mà BSC chưa thể tiếp cận.

Tính đến nay, mạng lưới ĐHT giao dịch chứng khoán đã triển khai tại 27 Chi nhánh BIDV - 14 ĐHT tại miền Bắc, 13 ĐHT tại miền Nam. Cùng với việc phân loại khách hàng tại điểm hỗ trợ giao dịch, BSC đã thành lập một bộ phận chuyên biệt để thực hiện chức năng phục vụ nhóm khách hàng này thông qua các ĐHT. Năm 2013 BSC không phát triển thêm ĐHT mới mà tập trung khai thác nền tảng khách hàng tại các ĐHT đang hoạt động và hoàn thiện các cơ chế, chính sách để khuyến khích các ĐHT nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, BSC cũng đẩy mạnh công tác truyền thông sâu rộng hơn các sản phẩm môi giới của BSC đến các khách hàng tại điểm hỗ trợ giao dịch để các khách hàng này sử dụng nhiều tiện ích giao dịch hơn.

Báo cáo kết quả hoạt động

Khối nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Có thể nói thành công của mảng môi giới và tư vấn đầu tư năm 2013 có đóng góp không nhỏ của hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm.

NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

Nghiên cứu và phân tích là một trong những hoạt động truyền thống của BSC với những thế mạnh về đội ngũ cán bộ được đào tạo bài bản, nền tảng khách hàng rộng lớn hoạt động trong nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế được tích lũy qua hơn 10 năm hoạt động và được kế thừa từ lịch sử hơn 50 năm xây dựng và phát triển của BIDV. Trong năm 2013 hoạt động phân tích tiếp tục khẳng định vai trò của mình bằng những đóng góp không thể thiếu trong hoạt động kinh doanh của BSC, đặc biệt đối với dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư. Hệ thống báo cáo của BSC được phát hành thường xuyên, kịp thời đã giúp cho các nhà đầu tư đưa ra những quyết định đầu tư sáng suốt và chiến lược đầu tư phù hợp.

Hệ thống các báo cáo tư vấn đầu tư định kỳ, báo cáo phân tích doanh nghiệp và đặc biệt là Báo cáo chuyên đề TTP của BSC đã được khách hàng đánh giá cao và để lại những ấn tượng mạnh mẽ trên thị trường chứng khoán năm 2013.

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Nhằm mục đích tạo ra các sản phẩm phù hợp, hỗ trợ tối ưu cho khách hàng của BSC trong giao dịch chứng khoán, BSC đã không ngừng cải tiến các sản phẩm môi giới hiện có (như Margin, lưu ký,...), và nghiên cứu, phát triển thêm các sản phẩm mới (như phối hợp với BIDV triển khai các sản phẩm thấu chi, cầm cố, ...). Các sản phẩm dịch vụ mới và được cải tiến đã rút ngắn thời gian giao dịch, cung cấp nguồn lực tài chính giúp các nhà đầu tư tận dụng cơ hội thị trường, đem lại nhiều tiện ích cho nhà đầu tư góp phần thúc đẩy nghiệp vụ môi giới. Cùng với các chính sách mới về khách hàng, về cơ chế hoa hồng,... những hoạt động của bộ phận phát triển sản phẩm đã tạo ra những công cụ hữu hiệu để gia tăng doanh số giao dịch cho BSC.



Báo cáo kết quả hoạt động

Khối tư vấn tài chính - IB

HOẠT ĐỘNG CỦA KHỐI TƯ VẤN TÀI CHÍNH ĐƯỢC ĐẨY MẠNH THEO HƯỚNG KẾT NỐI KHÁCH HÀNG VỚI NGUỒN VỐN PHÙ HỢP VỚI ĐẶC THÙ KINH DOANH VÀ THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH CỤ THỂ CỦA TỪNG ĐƠN VỊ, KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ DẪN ĐẦU CỦA BSC TRONG THỊ TRƯỜNG TƯ VẤN THU XẾP VỐN NÓI CHUNG

Đột phá trong chiến lược cung ứng dịch vụ thu xếp vốn

Năm 2013, khối tư vấn tài chính doanh nghiệp bước vào giai đoạn thay đổi toàn diện về chiến lược sản phẩm, chất lượng dịch vụ và phương thức giao dịch. Hoạt động tư vấn cổ phần hóa, tư vấn niêm yết và tư vấn phát hành chứng khoán vốn được đẩy mạnh theo hướng cung cấp các gói dịch vụ tư vấn toàn diện, giá trị gia tăng cao cho các khách hàng lớn, có thương hiệu và uy tín đầu ngành của nền kinh tế quốc dân như Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Khối không theo đuổi giải pháp cạnh tranh về giá dịch vụ như các đối thủ cạnh tranh khác tập trung hướng đến các khách hàng vừa và nhỏ. Khối Tư vấn tài chính tập trung nâng cao chất lượng của công tác tư vấn để thu thêm giá trị gia tăng từ các khách hàng lớn. Qua đó, BSC vừa một mặt khẳng định vị thế thương hiệu của một tổ chức tư vấn lớn, mặt khác củng cố nguồn thu từ các sản phẩm, dịch vụ có tính truyền thống của công ty.

Thu xếp vốn thông qua thị trường tư vấn, phát hành trái phiếu doanh nghiệp được khối đẩy mạnh bằng cách nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, và đây là sản phẩm chính đem lại nguồn thu của khối, đóng góp tới gần 90% tổng doanh thu từ hoạt động tư vấn. Năm bắt được sự vận động của thị trường tiền tệ, tận dụng được những cơ hội tại thị trường vốn trong và ngoài nước, và đặc biệt là thấu hiểu được nhu cầu thu xếp vốn trung và dài hạn của các doanh nghiệp đầu ngành chuẩn bị chiến lược nhằm

mở rộng năng lực kinh doanh, năng lực đầu tư để đón đầu sự phục hồi của nền kinh tế trong trung hạn, Khối đã tập trung nguồn lực, trí lực, khai thác có hiệu quả những lợi thế kinh doanh của ngân hàng mẹ để đẩy mạnh hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp, một mặt tạo được thương hiệu tư vấn trên thị trường, mặt khác tạo nguồn doanh thu tư vấn xương sống của khối, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh.

Tư vấn chào bán cổ phần cho các đối tác chiến lược nước ngoài, trong đó ưu tiên hướng đến thị trường Nhật Bản được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài của khối trong trung hạn, theo định hướng tận dụng được lợi thế, nền tảng khách hàng rộng lớn của và sự hợp tác bền vững với các đối tác nước ngoài của ngân hàng mẹ.

Những thành công

Năm 2013 có thể nói là bước ngoặt thành công của Khối Tư vấn tài chính trong chiến lược cung ứng dịch vụ tài chính chuyên nghiệp của BSC. Về dịch vụ tư vấn cổ phần hóa, BSC đã phối hợp với hai nhà thầu nước ngoài là Morgan Stanley và Citigroup đầu thầu và trúng thầu gói thầu tư vấn cổ phần hóa, tư vấn niêm yết và tìm đối tác chiến lược cho Vietnam Airlines; tư vấn niêm yết thành công cổ phiếu của ngân hàng mẹ BIDV lên sàn chứng khoán TP HCM.

Trong lĩnh vực thu xếp vốn trái phiếu, Khối đã nắm bắt và tận dụng được những điều kiện thuận lợi của thị trường về nền lãi suất ổn định trong thời gian dài, đẩy mạnh

Báo cáo kết quả hoạt động

Khối tư vấn tài chính - IB

hoạt động thu xếp hàng ngàn tỷ đồng vốn trái phiếu cho các doanh nghiệp như Tập đoàn Tuần Châu, HUD, Royal City, Eurowindow holdings, Công ty Cổ phần Phong phú, Hoàng Anh Gia Lai..., đều là các thương hiệu giàu uy tín tại thị trường trong nước và khu vực. Ngoài trái phiếu doanh nghiệp, BSC cũng đã bảo lãnh phát hành thành công 1.980 tỷ cho đợt phát hành Trái phiếu địa phương thứ 2 của Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời bảo lãnh 40% cho 1.020 tỷ của đợt phát hành thứ nhất.

Giá trị của BSC luôn gắn với lợi ích phát triển lâu dài của các doanh nghiệp. Các dịch vụ tư vấn tái cấu trúc tài chính không ngừng được BSC đẩy mạnh phát triển, triển khai đến không chỉ những doanh nghiệp lớn mà cả những doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ở đó, BSC không dừng lại ở hoạt động tái cấu trúc hoạt động kinh doanh, quản trị tài chính tại doanh nghiệp. Đây đều là các dịch vụ đòi hỏi đầu tư sâu về nghiệp vụ, chất xám cao.

Nổi bật trong năm 2013 là giao dịch tư vấn tái cấu trúc quản trị nguồn vốn cho một Công ty trong lĩnh vực dược phẩm, đưa một doanh nghiệp từ giai đoạn hoạt động khó khăn, biên lợi nhuận thấp quay trở lại hoạt động có hiệu quả trong ngành dược. Cũng trong năm qua, BSC đã tư vấn cho một Công ty hoạt động trong lĩnh vực đồ gia dụng, giúp cho công ty chuyển từ trạng thái mất cân đối vốn trầm trọng, lỗ lũy kế gia tăng dần quay lại trạng thái ổn định và bắt đầu hoạt động có lãi.

Trong lĩnh vực mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A), BSC luôn có lợi thế trong việc tiếp cận với mạng lưới khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng BIDV, một lợi thế so sánh mà ít công ty chứng khoán có được. BSC đẩy mạnh các hoạt động hợp tác với các định chế tài chính quốc tế, trong đó tập trung các nỗ lực hợp tác với các đối tác Nhật Bản như Mizuho Corporate Bank, Sumitomo Mitsui Trust

bank, các định chế tài chính trong nước như các tổ chức môi giới, đầu tư tài chính... để xúc tiến các giao dịch M&A, BSC tin rằng hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp trong tương lai là một lĩnh vực kinh doanh giàu tiềm năng, mang lại nguồn lợi nhuận to lớn cho công ty.

Hoàn thiện nguồn nhân lực

BSC luôn lấy nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm là cơ sở quyết định chất lượng dịch vụ cho hoạt động thành công của khối tư vấn tài chính. Với mục tiêu tạo dựng một đội ngũ nhân sự nòng cốt giàu nhiệt huyết, chính sách tuyển dụng của BSC cho Khối tư vấn tài chính trong năm 2013 hướng tới những chuyên viên, chuyên gia giàu kinh nghiệm, đã có quá trình công tác và làm việc tại nước ngoài.

Công ty khuyến khích, đào tạo và bồi dưỡng cho các nhân viên có tiềm năng để trở thành các chuyên gia trong từng lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng đầu tư. Để xây dựng một đội ngũ nòng cốt, gắn bó với công ty ngay từ những ngày đầu, trong năm qua đội ngũ chuyên viên khối tư vấn tài chính của BSC đã được trẻ hóa với nhiều gương mặt mới tận tâm, giàu nhiệt huyết và sẵn sàng cống hiến, dưới sự hướng dẫn bài bản của đội ngũ các cán bộ đi trước.

Chế độ đãi ngộ của công ty với các nhân viên có thành tích học tập, hoàn thiện bản thân cũng được chú trọng, khi 100% nhân viên được thanh toán chi phí đăng ký tham dự kỳ thi các chứng chỉ nghề quốc tế như chứng chỉ CFA, Khối đã tổ chức nhiều buổi thảo luận, tập huấn nhằm nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Khối trong năm 2014 là tiếp tục tuyển dụng nhân tài với những chính sách hấp dẫn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các giao dịch và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Các giao dịch nổi bật



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Ngành: dệt may - Quy mô doanh nghiệp: **4,320** tỷ đồng

Dịch vụ: phát hành Trái phiếu doanh nghiệp - Quy mô giao dịch: **300** tỷ đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC CỬU LONG

Ngành: Y tế/ dược phẩm - Quy mô doanh nghiệp: **792** tỷ đồng

Dịch vụ: tư vấn tái cấu trúc



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Ngành: vận tải hàng không Quy mô doanh nghiệp: **2,700** triệu USD

Dịch vụ: tư vấn cổ phần hóa và niêm yết trong nước Dự kiến hoàn thành trong năm 2014



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – BIDV

Ngành: Tài chính ngân hàng - Quy mô doanh nghiệp: Tổng tài sản **535** nghìn tỷ VND

Dịch vụ: Tư vấn cổ phần hóa và niêm yết trong nước



CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

Ngành: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, thủy điện, khai khoáng, bất động sản

Quy mô doanh nghiệp: **18,700** tỷ VND - Dịch vụ: tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Quy mô giao dịch: **950** tỷ đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỊA ỐC HOÀNG GIA

Ngành: Bất động sản - Quy mô doanh nghiệp: **13,500** tỷ đồng

Dịch vụ: tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp - Quy mô giao dịch: **2000** tỷ đồng



Thành phố Hồ Chí Minh

Dịch vụ: Bảo lãnh phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh

Quy mô giao dịch: **1980** tỷ đồng



Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Ngành: dịch vụ hàng hải - Quy mô doanh nghiệp: **300** tỷ đồng

Dịch vụ: tư vấn chào bán cổ phiếu cho công đoàn, công nhân viên chức và đối tác chiến lược

Quy mô giao dịch: **100** tỷ đồng



Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định

Ngành: Dược phẩm, Trang thiết bị y tế

Dịch vụ: Tư vấn cổ phần hóa và bán đấu giá



Công ty TNHH Dịch vụ cảng hàng không Tân Sơn Nhất

Ngành: Dịch vụ hàng không

Dịch vụ: tư vấn xác định giá trị phần vốn góp tại công ty Dịch vụ cảng hàng không Tân Sơn Nhất

Báo cáo kết quả hoạt động

Khối tự doanh và kinh doanh nguồn vốn



• GẶT HÁI ĐƯỢC NHIỀU THÀNH CÔNG TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH TRÁI PHIẾU TẠO DỰNG ĐƯỢC NỀN TẢNG CƠ BẢN VÀ BỀN VỮNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BỘ PHẬN KINH DOANH VÀ NGUỒN VỐN TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO QUA HOẠT ĐỘNG TÁI CƠ CẤU DANH MỤC.

BSC luôn ý thức nắm bắt cơ hội đầu tư trong bối cảnh thị trường có dấu hiệu khởi sắc. Sau giai đoạn khó khăn năm 2011-2012 là thời kỳ sàng lọc, tạo điều kiện cho thị trường đánh giá lại các doanh nghiệp đang giao dịch trên sàn chứng khoán, do đó Công ty đã tiếp tục nỗ lực thực hiện

tái cơ cấu đầu tư tài chính, tích cực rút vốn đầu tư cổ phiếu, chuyển dần sang đầu tư trái phiếu và tiền gửi để cơ cấu lại tổng danh mục. Cơ cấu danh mục đầu tư năm 2013 đã được cải thiện theo hướng an toàn, thanh khoản và hiệu quả hơn so với năm 2012.

Hoạt động tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính cũng đóng góp một phần đáng kể trong tổng thu nhập năm 2013 của Công ty. Doanh thu từ hoạt động đầu tư trong năm 2013 của công ty là 73,2 tỷ đồng tăng trưởng 6% so với cùng kỳ năm 2012 và chiếm 33,5% trong tổng doanh thu.

Cơ cấu danh mục đầu tư	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng trưởng năm 2013 so với năm 2012
Đầu tư tài chính ngắn hạn	749.510	1.007.290	34,40%
Chứng khoán thương mại	744.752	707.290	-5,00%
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	4.757	300.000	6306,50%
Đầu tư tài chính dài hạn	129.499	48.483	-62,60%
Tổng đầu tư:	879.009	1.055.774	20,00%

Báo cáo kết quả hoạt động

Tình hình tài chính



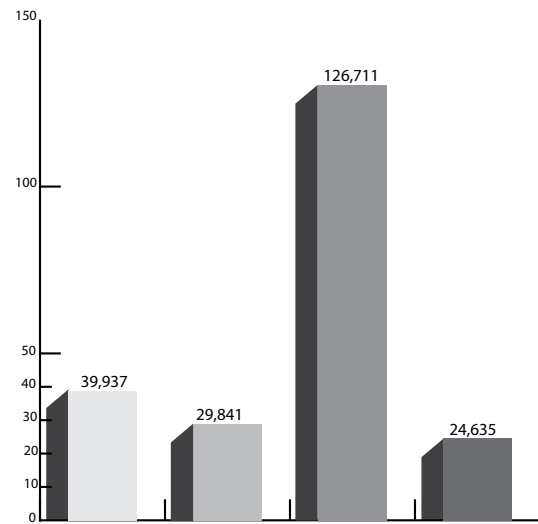
Các chỉ tiêu về quy mô và kết quả hoạt động

Chỉ tiêu	2012	2013	% tăng giảm
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN (triệu đồng)			
Tổng tài sản	1.307.718	1.541.838	17,90%
Tài sản ngắn hạn	1.182.817	1.506.359	27,40%
Tài sản dài hạn	124.900	35.478	(71,60%)
Vốn điều lệ	865.000	865.000	0,00%
Nguồn vốn chủ sở hữu	677.546	692.445	2,20%
KẾT QUẢ KINH DOANH (triệu đồng)			
Doanh thu thuần	221.125	218.501	(1,19%)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.058	13.924	(33,88%)
Lợi nhuận khác	116	1.201	1,035,00%
Lợi nhuận trước thuế	21.174	15.125	(28,57%)
Lợi nhuận sau thuế	21.174	15.125	(28,57%)
Tỷ lệ trả cổ tức	-	-	-

Về cơ cấu tài sản:

Tổng tài sản năm 2013 tăng 18% so với năm 2012. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 1506,4 tỷ chiếm 97,7%, tài sản dài hạn là 35,5 tỷ chiếm 2,3%. Số dư đầu tư tài chính đến 31/12/2013 là 1.055 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2012.

Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đầu tư tài chính, tích cực rút vốn đầu tư cổ phiếu, chuyển dần sang đầu tư trái phiếu để cơ cấu lại tổng danh mục. Hoạt động tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính cũng đóng góp một phần đáng kể trong tổng thu nhập năm 2013 của Công ty.



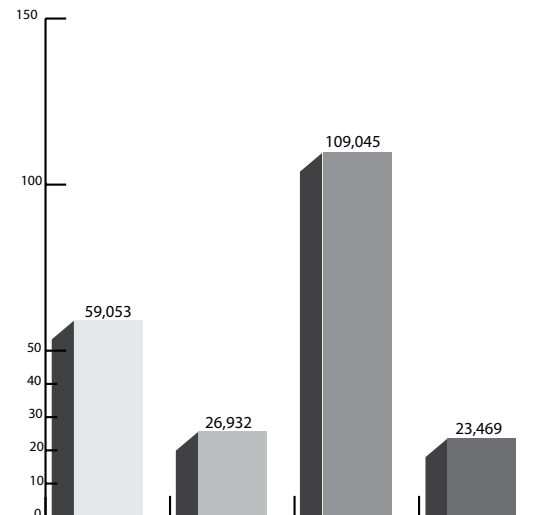
2012

- Khối môi giới
- Khối tư vấn tài chính
- Khối tự doanh và kinh doanh nguồn vốn
- Các doanh thu khác (về vốn kinh doanh)

Về cơ cấu thu nhập: với định hướng hoạt động dịch vụ là hoạt động nòng cốt mang lại lợi nhuận chủ yếu cho công ty, cơ cấu thu nhập của công ty đã có những chuyển dịch rõ rệt. Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động dịch vụ tăng mạnh trong tổng doanh thu, từ 15% năm 2011 lên 32% năm 2012 và chiếm đến 39, 2% trong năm 2013. Tăng

Tình hình công nợ

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm
Phải trả về giao dịch chứng khoán	168.382	161.750	(3,94%)
Phải trả về lãi vay	307	908	195,77%
Phải trả về đặt cọc, môi giới trái phiếu	331.950	49.062	(85,22%)
Phải trả, phải nộp khác	1.377	2.582	87,51%
Tổng phải trả, phải nộp	502.016	214.302	(57,31%)



2013

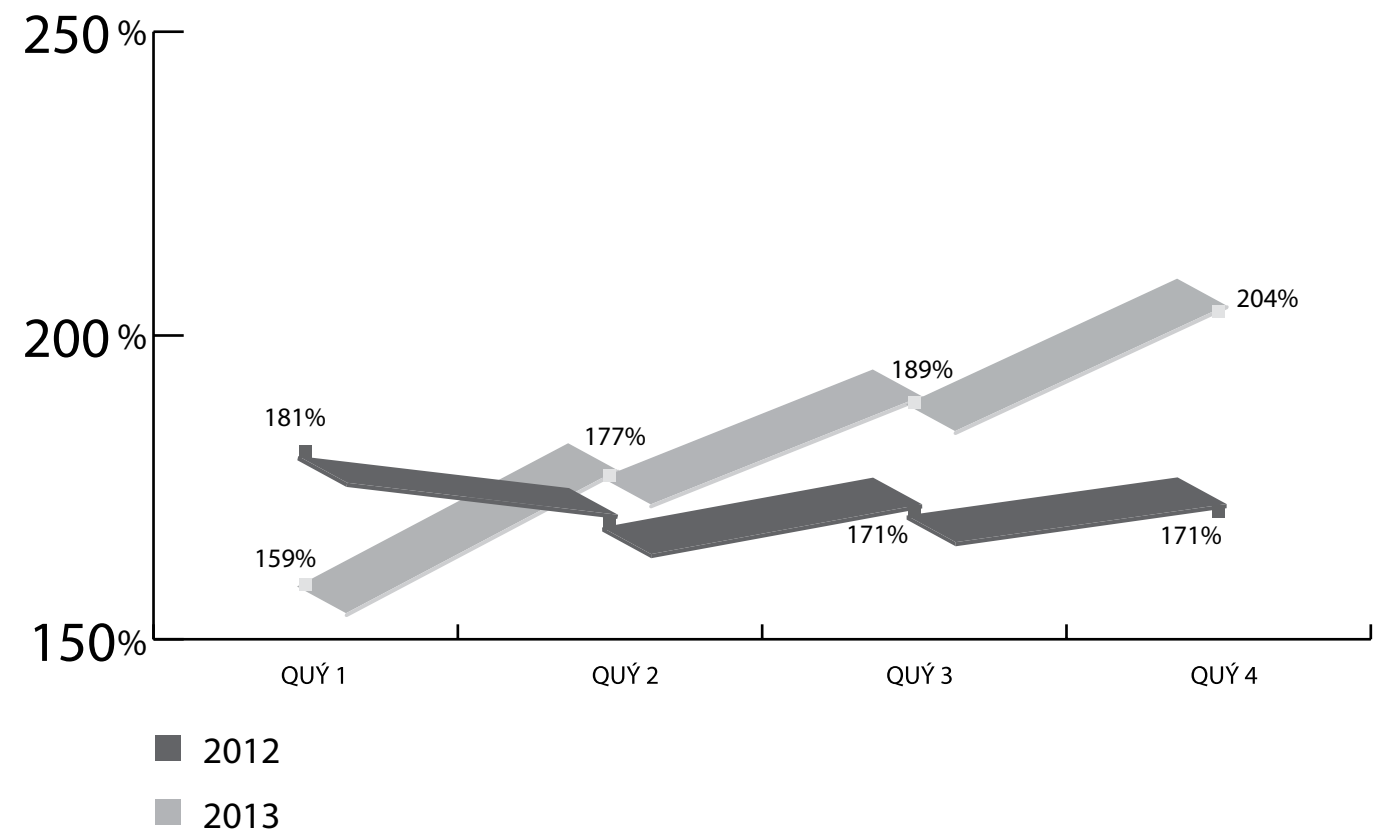
- Khối môi giới và tư vấn đầu tư
- Khối tư vấn tài chính
- Khối tự doanh và kinh doanh nguồn vốn
- Các doanh thu khác (về vốn kinh doanh)

chủ yếu do nỗ lực gia tăng doanh thu tại mảng hoạt động môi giới, trong năm 2013 doanh thu từ hoạt động môi giới tăng 49% so với cùng kỳ năm 2012. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh vốn vẫn đóng chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh thu của công ty xấp xỉ 24,4%.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2012	2013
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	90,45%	97,70%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	9,55%	2,30%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	48,19%	55,09%
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	51,81%	44,91%
TỶ SUẤT LỢI NHUẬN (%)		
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	1,62%	0,98%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	3,13%	2,18%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	2,45%	1,75%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	9,58%	6,92%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)	245	175

Tỷ lệ vốn khả dụng



Báo cáo kết quả hoạt động

Tình hình nhân sự

BSC sử dụng đòn bẩy cạnh tranh lành mạnh, công bằng để khuyến khích nhân sự định hình dấu ấn về chuyên môn, hướng tới là chuyên gia trong từng lĩnh vực phụ trách, qua đó có đóng góp ngày càng hiệu quả hơn cho

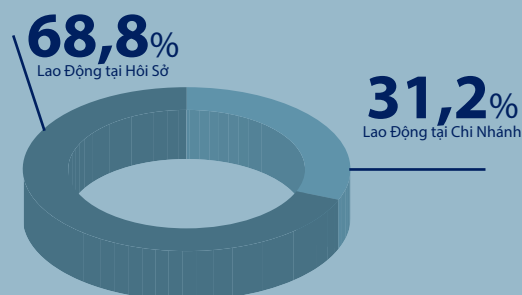
BSC và thị trường chứng khoán, Với cách làm này, BSC đang dần tạo nên đội ngũ nhân sự tâm huyết, có chuyên môn sâu trong tất cả các mảng hoạt động.

Tình hình lao động

Tính tới thời điểm 31/12/2013 tổng số cán bộ công nhân viên của BSC là 141 người giảm 1 người so với cùng kỳ năm 2012

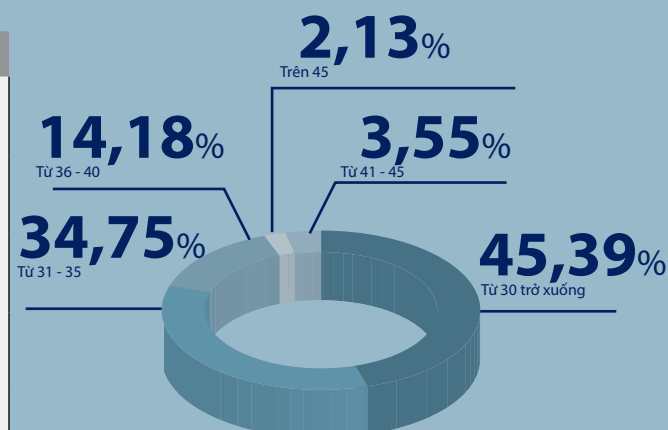
Theo địa bàn hoạt động:

	Số lượng	% tổng số LĐ
Hội sở	97	68,8
Chi nhánh	44	31,2



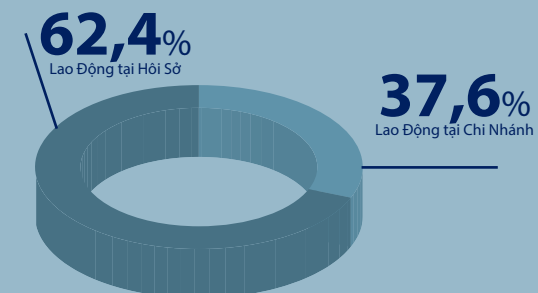
Theo cơ cấu độ tuổi:

	Số lượng	% tổng số LĐ
Từ 30 tuổi trở xuống	64	45,39
Từ 31 đến 35 tuổi	49	34,75
Từ 36 đến 40 tuổi	20	14,18
Từ 41 đến 45 tuổi	3	2,13
Trên 45 tuổi	5	3,55



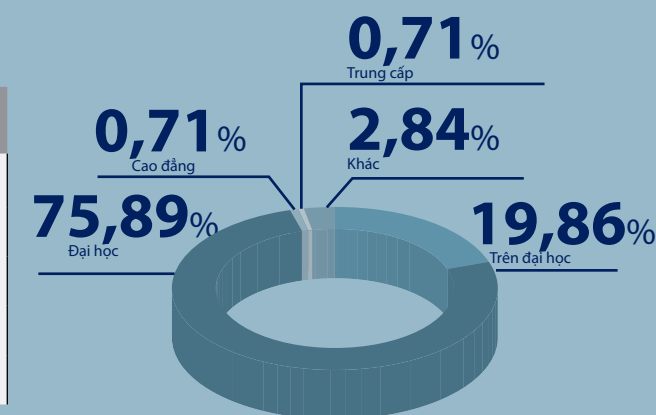
Cơ cấu theo giới tính:

	Số lượng	% tổng số LĐ
Nam	53	37,6
Nữ	88	62,4



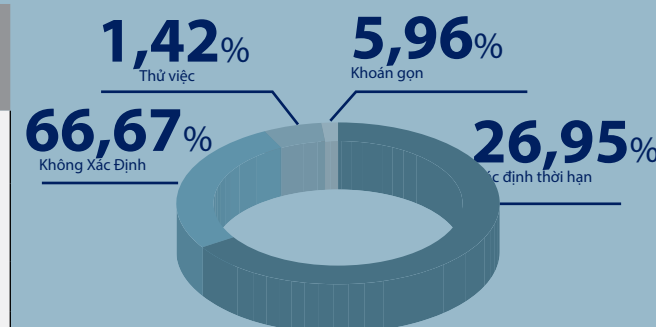
Cơ cấu theo trình độ:

	Số lượng	% tổng số LĐ
Trên đại học	28	19,86
Đại học	107	75,89
Cao đẳng	1	0,71
Trung cấp	1	0,71
Khác	4	2,84



Cơ cấu theo thời hạn hợp đồng

Loại HĐLĐ	Số lượng	% tổng số LĐ
Không xác định	94	66,67
Xác định thời hạn	38	26,95
Khoán gọn	7	5,96
Thử việc	2	1,42



Với mục tiêu nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty và từng bước trở thành đơn một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, công ty tác tuyển dụng được BSC luôn được thực hiện trên cơ sở những định hướng chính sau:

- Tuyển dụng những chuyên gia hàng đầu trên thị trường để tạo ra sức bật mạnh mẽ cho các hoạt động của công ty
- Tuyển dụng đội ngũ những cán bộ có cam kết và gắn bó lâu dài với công ty để tạo ra tính bền vững trong sự phát triển của công ty

Báo cáo kết quả hoạt động

Chính sách với người lao động



Là đơn vị cung cấp các dịch vụ tài chính trên thị trường chứng khoán, nằm trong chiến lược xây dựng nguồn nhân lực trở thành năng lực cốt lõi tạo nền tảng cho sự phát triển của của Công ty. BSC chủ trương đào tạo và rèn luyện đội ngũ cán bộ trực tiếp thông qua những công việc thực tế nhằm trau dồi kiến thức chuyên môn cũng như thúc đẩy tính khả năng sáng tạo của từng cán bộ. Bên cạnh đó hàng năm BSC cũng định kỳ xây dựng kế hoạch đào tạo nhằm bổ sung các kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ để đáp ứng các yêu cầu mới trong kế hoạch phát triển.

Hiện nay, BSC đã hoàn thành việc xây dựng và áp dụng chính sách lương thưởng trên cơ sở hệ thống đánh giá KPI (Key Performance Indicators), một trong những công cụ quản trị tiên tiến và hiệu quả bậc nhất trên thế giới

hiện nay. Thông qua hệ thống này, mỗi cán bộ phụ thuộc vào tầm quan trọng của vị trí công tác, năng suất lao động và khả năng đóng góp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đều được đánh giá một cách chính xác, rõ ràng, minh bạch và có được những chính sách đãi ngộ xứng đáng theo quy định của công ty. Chính sách lương thưởng mới đã và đang từng bước nâng cao một cách rõ rệt động lực lao động của cán bộ góp phần nâng cao kết quả kinh doanh.

Nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống các chính sách liên quan đến nguồn nhân lực của Công ty, BSC cũng đã nâng cao hệ thống cơ sở đãi ngộ nhằm gìn giữ lực lượng cán bộ chủ chốt và thu hút đội ngũ nhân sự có chất lượng cao trên thị trường hiện nay, góp phần vào việc gia tăng khả năng cạnh tranh về nguồn nhân lực của công ty trên thị trường.

Quản trị rủi ro - xây dựng nền tảng bền vững để phát triển mạnh mẽ

Trong năm 2013 BSC bắt đầu triển khai dự án ERM nhằm tăng cường khung quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng kiểm soát rủi ro trong các hoạt động tác nghiệp trọng yếu.

Song song với việc triển khai dự án ERM, BSC còn chú trọng vào việc xây dựng văn hóa quản trị rủi ro hiệu quả trong mọi bộ phận chức năng, cũng như mọi cấp bậc quản lý trong Công ty. Mục tiêu của chúng tôi trong thời gian tới là mỗi thành viên BSC đều có nhận thức trách nhiệm và được trang bị kiến thức về quản trị rủi ro.

BSC đặt mục tiêu đến cuối năm 2014 sẽ hoàn thiện một nền tảng quản trị rủi ro vững chắc gồm: cơ cấu rủi ro, các thông số rủi ro, cập nhật các thủ tục và chính sách, xây dựng hoàn chỉnh các quy trình nghiệp vụ, cơ chế giám sát và cuối cùng là hệ thống kiểm soát và báo cáo hiệu quả thực hiện.

Với mục tiêu giúp BSC có được một cấu trúc quản trị rủi ro doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam và đạt chuẩn quốc tế để tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, chúng tôi đã lựa chọn một trong những nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu trong lĩnh vực quản trị rủi ro với trình độ và kinh nghiệm được công nhận trên toàn thế giới, đồng thời là đơn vị được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lựa chọn hợp tác để xuất bản cuốn Sổ tay hướng dẫn nhận thức về quản trị rủi ro cho các doanh nghiệp Việt Nam – làm đơn vị tư vấn để triển khai dự án ERM.

Sau quá trình thực hiện Dự án, có 4 nhóm rủi ro cơ bản đã được BSC xác định và đưa vào kiểm soát bao gồm:

- Nhóm rủi ro hoạt động gồm các loại rủi ro như rủi ro về nhân sự, công nghệ thông tin, phát triển sản phẩm...
- Nhóm rủi ro tài chính gồm loại rủi ro như rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán...

- Nhóm rủi ro chiến lược bao gồm rủi ro trong công tác truyền thông nội bộ, rủi ro về cạnh tranh...

- Nhóm rủi ro tuân thủ bao gồm rủi ro về tuân thủ các quy định pháp lý, rủi ro về gian lận và giao dịch nội gián...

Dự án ERM của BSC bao gồm các hoạt động chính:

- Rà soát hiện trạng và hoàn thiện quy trình và các chốt kiểm soát nội bộ gồm các cấu phần như: (i), Rà soát hiện trạng và đề xuất hoàn thiện các quy trình hoạt động chính; (ii), Tài liệu hóa các quy trình hoạt động chính.

- Đánh giá hiện trạng và xây dựng khung Quản trị rủi ro, gồm các cấu phần như:

(i). Rà soát và đánh giá hiện trạng QTRR;

(ii). Xây dựng khung QTRR theo quy định của UBCKNN;

(iii). Xây dựng hồ sơ rủi ro doanh nghiệp và kế hoạch hành động.

Đến thời điểm hiện tại, dự án ERM đang được BSC triển khai đến những cấu phần công việc cuối cùng. Các kết quả đã đạt được đối với BSC đến thời điểm này bao gồm:

- Rà soát hiện trạng các quy trình hoạt động và xác định các rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra đối với từng quy trình

- Xác định các điểm cần cải thiện để hoàn thiện các chốt kiểm soát trong từng quy trình

- Rà soát, đánh giá, so sánh hiện trạng Quản trị rủi ro tại BSC với yêu cầu của UBCKNN

- Xây dựng chính sách và quy trình QTRR và cơ cấu giám sát,

- Xác định được danh mục các rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến các hoạt động của BSC, đồng thời lập ra kế hoạch hành động để quản lý các rủi ro này trong thời gian tới.

Trong giai đoạn cuối của Dự án, BSC sẽ tài liệu hóa các quy trình hoạt động và tập huấn cho tất cả nhân quản lý cấp phòng ban của BSC nhằm nâng cao nhận thức về kiểm soát nội bộ.

Báo cáo kết quả hoạt động

Dự án đang thực hiện



Phát triển cơ sở hệ thống công nghệ thông tin là hoạt động đầu tư mang tính chiến lược hàng đầu của BSC trong năm 2013.

Ngay từ những ngày đầu phát triển, BSC đã là công ty đi tiên phong trong việc ứng dụng cơ sở hệ thống công nghệ thông tin vào giao dịch chứng khoán, và là công ty chứng khoán đầu tiên áp dụng hệ thống sàn giao dịch chứng khoán ảo, thu hút được sự quan tâm đặc biệt của nhiều nhà đầu tư. Tiếp tục kế thừa truyền thống đó, nhằm đưa hệ thống CNTT của BSC lên một tầm mới xứng với quy mô hoạt động và tốc độ phát triển của mình, BSC đã tiến hành triển khai kế hoạch cụ thể trong vòng 3 năm, từ năm 2010 đến năm 2013, nhằm hoàn thiện, nâng cấp hệ thống CNTT với tổng mức đầu tư 5 triệu USD. Chương trình hiện đại hóa được triển khai trong vòng hai giai đoạn, giai đoạn đầu kéo dài 3 năm từ năm 2010 và chọn năm 2013 là thời điểm bản lề để đưa toàn bộ hệ thống đưa vào giai đoạn thử nghiệm trước khi đưa vào áp dụng rộng rãi cho toàn bộ hệ thống khách hàng vào ngày 20 tháng 1 năm 2014.

Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin mới đánh dấu một sự thay đổi toàn diện trong hình thức và phương tiện khi khách hàng của BSC giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trong quá trình giao dịch, các khâu đặt lệnh, khớp lệnh và thông

báo hoàn thành giao dịch được đổi mới, lấy tốc độ và độ chuẩn xác làm trọng tâm. Cơ sở công nghệ hỗ trợ cho bộ phận giao dịch viên cũng được nâng cấp, góp phần nâng cao khả năng quản trị điều hành và bảo mật thông tin cho khách hàng. Website của BSC cũng được thiết kế lại, mang một diện mạo mới, cập nhật phù hợp với tầm vóc một tổ chức tài chính chuyên nghiệp. Không chỉ dừng lại ở giai đoạn đưa ra giải pháp, BSC luôn tiếp thu ý kiến phản hồi của khách hàng trong thời gian thử nghiệm, cuối tháng 12. Giai đoạn hoàn thiện cũng là khoảng thời gian đòi hỏi nhiều sự phấn đấu nỗ lực không ngừng nghỉ từ Ban hiện đại hóa của BSC để đảm bảo cho quá trình chuyển giao từ hệ thống cũ sang hệ thống mới vận hành suôn sẻ, không gây gián đoạn cho giao dịch của nhà đầu tư.

Thời điểm dự án công nghệ thông tin được chính thức vận hành cũng chính là thời điểm thị trường chứng khoán Việt Nam có sự bùng nổ về khối lượng giao dịch... Kể từ khi đi vào hoạt động, hệ thống đã đáp ứng nhu cầu giao dịch với quy mô tăng gấp nhiều lần trước đó (tổng số lệnh giao dịch tăng 4 lần). Tuy đây mới chỉ là những kết quả ban đầu của dự án song đã tạo ra nền tảng cơ bản cho các giai đoạn tiếp theo của dự án trong lộ trình đưa BSC trở thành công ty chứng khoán có nền tảng công nghệ hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Báo cáo kết quả hoạt động

Triển vọng kinh tế 2014

DỰ BÁO MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Năm 2014 được đánh giá là năm mà kinh tế sẽ tiếp tục phục hồi dựa trên những tiền đề đã đạt được trong năm 2013, Dự báo tốc độ tăng trưởng chậm; khu vực kinh tế trong nước vẫn còn tiếp tục khó khăn

Chỉ tiêu	2013	Dự báo 2014
GDP (yoy)	5,42%	5,7%–5,8%
Lạm phát (yoy)	6,04%	7%–8%
Tăng trưởng tín dụng (ytd)	12,5%	12%–14%
Tỷ giá (VND/USD)	21.036	21.246–21.456

MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ

Lạm phát 2014 dự báo ở mức 7% - 8%: Trong năm 2014 và các năm tới, Chính phủ nhiều khả năng sẽ chuyển hướng mục tiêu từ kiềm chế lạm phát sang giữ ổn định lạm phát, tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo lạm phát mục tiêu nhằm củng cố ổn định kinh tế vĩ mô.

Với mức lạm phát kỳ vọng năm sau khoảng 7% - 8%, nếu vấn đề giải quyết nợ xấu tiếp tục tiến triển tốt, rủi ro toàn hệ thống giảm xuống sẽ có thể kéo lãi suất cho vay giảm thêm khoảng 1% - 1,5% nữa từ đó cũng kéo lãi suất huy động giảm nhẹ khoảng 0,5% - 1%

Tăng trưởng GDP 2014 trong khoảng 5,7% - 5,8%. Nối tiếp xu thế phục hồi, trong năm 2014, nền kinh tế sẽ có mức tăng trưởng cao hơn năm 2013. Tăng trưởng vẫn sẽ dựa nhiều vào khu vực vốn đầu tư nước ngoài (FDI) nhưng khu vực nội địa sẽ được đẩy mạnh hơn so với năm 2013 nhờ nợ xấu và tín dụng tiếp tục được cải thiện.

VAMC sẽ tiếp tục mua 100.000 - 150.000 tỷ đồng nợ xấu trong năm 2014. Việc mua nợ xấu trước mắt sẽ giúp các tổ

chức tín dụng làm sạch bảng cân đối kế toán, cải thiện khả năng tín dụng để từ đó giúp lưu thông dòng vốn trong nền kinh tế. Tuy nhiên, khoản nợ xấu chưa vì thế mất đi mà mới chỉ được chuyển kỹ thuật sang cho VAMC (các ngân hàng vẫn phải trích lập dự phòng 20% nợ xấu hàng năm trong vòng 5 năm).

Đẩy mạnh phát hành trái phiếu Chính phủ (TPCP): Cả năm 2013 kho bạc Nhà nước đã huy động được tổng cộng 143 nghìn tỷ đồng TPCP. Ngoài ra, đối với kế hoạch phát hành trái phiếu 2014, Quốc hội cũng đã đồng ý phát hành bổ sung 170.000 tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014 - 2016 để đầu tư cho 04 nhóm dự án, công trình.

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Năm 2014, triển vọng của TTCK Việt Nam được đánh giá là khả quan cùng với sự phục hồi và ổn định của Kinh tế Vĩ mô, Dù rủi ro vẫn còn, nhưng các yếu tố hỗ trợ TTCK đang mạnh hơn. So với các kênh đầu tư truyền thống tiền gửi, vàng, ngoại tệ và Bất động sản thì Chứng khoán đang rất hấp dẫn,

Các yếu tố tác động thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán dự báo có sự tăng trưởng và phát triển bền vững trong năm 2014 trên cơ sở nhận định năm 2014 được coi là năm “bản lề” để xét khả năng phục hồi và đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế tạo tiền đề cho những bước “chuyển mình mạnh mẽ hơn” trong các năm tiếp theo.

Những giải pháp cho TTCK: chưa bao giờ kể từ khi thị trường chứng khoán thành lập, hoạt động phát triển thị trường và sản phẩm mới cho thị trường được đẩy mạnh như 2 năm gần đây. Các nhóm giải pháp phát triển được thực thi trong năm 2014 bao gồm:

- Các sản phẩm phát triển cơ sở hạ tầng thị trường chứng khoán: xây dựng các bộ chỉ số VN30, HNX30 và hướng tới xây dựng bộ chỉ số ngành trong năm 2014; ban hành nghị định và thông tư hướng dẫn về quỹ mở, quỹ bất động sản,
- Kỳ vọng gia nhập TPP và các hiệp định FTA: Những vòng đàm phán TPP và các hiệp định thương mại tự do với EU, Nga gần đây cho thấy Việt Nam đang quyết tâm hướng tới một sân chơi lớn với tiêu chuẩn mới về thương mại, đầu tư, lao động, môi trường, cải cách doanh nghiệp nhà nước, ... Tham gia các hiệp ước lớn mở ra cơ hội xuất khẩu cho nhiều ngành cũng như sẽ đẩy nhanh quá trình cải cách và cơ cấu nền kinh tế.

Những rủi ro và tồn tại của thị trường chứng khoán

Ảnh hưởng thế giới: Trung Quốc đang đứng trước nhiều nguy cơ khi nợ xấu của hệ thống tín dụng tăng vọt, khủng hoảng nợ của các chính quyền địa phương. Nếu kinh tế Trung Quốc “hạ cánh đột ngột”, sẽ có khả năng có một cuộc khủng hoảng kinh tế từ khu vực Châu Á trước khi lan ra toàn cầu. Mặt khác FED thực hiện thu hồi gói kích thích kinh tế quá nhanh sẽ ảnh hưởng đến dòng vốn nóng rút ra khỏi các thị trường đang phát triển. Tuy vậy Việt Nam được dự báo sẽ ảnh hưởng không đáng kể.

Dư địa chính sách không còn nhiều: do thâm hụt ngân sách gia tăng. Như vậy Chính phủ sẽ phải tăng cường phát hành

trái phiếu, đồng nghĩa với ảnh hưởng đến tăng trưởng tín dụng, tạo nên vòng luẩn quẩn. Thêm vào đó là quá trình xử lý nợ xấu sẽ tiếp tục phức tạp với hành lang pháp lý để VAMC có thể bán nợ xấu cho NĐT NN và việc áp dụng thông tư 02 được kỳ vọng sẽ làm tăng tỷ lệ nợ xấu của Hệ thống NHTM.

Nhiều doanh nghiệp lớn IPO và lên niêm yết: Theo cục tài chính doanh nghiệp sẽ có nhiều Tập đoàn và Tổng công ty như Tập đoàn Dệt May, Tổng công ty công nghiệp ô tô nguồn IPO, SCIC dự kiến sẽ thoái vốn 376 doanh nghiệp (trong đó có nhiều doanh nghiệp có quy mô lớn đang niêm yết trên các sở như BVH, FPT, BMP, PPC, ...) trong năm 2014 và 2015, cùng với BIDV sớm niêm yết trong năm 2014 sẽ tăng cung đáng kể trên thị trường.

Dự báo biến động thị trường chứng khoán

Năm 2014 dự báo TTCK có quá trình tăng điểm chậm nhưng chắc chắn, sự xoay vòng giữa các nhóm cổ phiếu và các ngành sẽ diễn ra mạnh mẽ. Chúng tôi đánh giá kịch bản Trung tính cho thị trường trong năm 2014 là 550 điểm, kịch bản Lạc quan Vnindex sẽ đạt 600 điểm,

Xu thế tăng nhờ kỳ vọng từ cuối năm 2013 sẽ kéo dài hết quý I năm 2014. Quá trình điều chỉnh, kiểm định tâm lý thị trường sẽ diễn ra nửa sau quý II, diễn biến thị trường nửa sau năm 2014 sẽ phụ thuộc vào chuyển biến thực sự của kinh tế vĩ mô. Nếu các yếu tố hỗ trợ xuất hiện mạnh mẽ, thì thị trường sẽ tăng trở lại vào nửa sau năm 2014.

Đây cũng được coi là giai đoạn tạo lập mặt bằng giá mới, định giá lại các cổ phiếu, các ngành trước đây chưa thu hút sự quan tâm của Nhà đầu tư. Quá trình vận động luân chuyển giữa nhóm cổ phiếu theo quy mô và theo ngành được dự báo tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong năm 2014. Trên cơ sở dự báo kinh tế vĩ mô trong năm 2014, xem xét các yếu tố dòng vốn nước ngoài cùng với những biến động của nền kinh tế thế giới; xu hướng của thị trường năm 2014 dự báo là quá trình tăng điểm hướng tới vùng 600 điểm.



Báo cáo kết quả hoạt động

Các chính sách và thông tin sẽ ảnh hưởng lớn nhất đến TTCK 2014

Khi kinh tế vĩ mô ổn định, xu hướng tăng và duy trì ổn định, thanh khoản tốt, chu kỳ tăng điểm đủ dài thu hút dòng tiền thì quá trình luân chuyển giữa các nhóm cổ phiếu và dòng tiền chảy vào nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ sẽ diễn ra (small cap và Penny).

Chính sách và số liệu công bố (ví mô trong nước và quốc tế)	Ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng
Tiến độ mua nợ xấu của VAMC	Tích cực	Trung Bình
Nới room thêm 10% cho NĐT NN vào doanh nghiệp niêm yết	Tích cực	Rất Mạnh
Nới room thêm 5% cho Cổ đông chiến lược với Tổ chức tín dụng (lên 20%)	Tích cực	Mạnh
Gia nhập TPP và ký FTA với EU	Tích cực	Rất Mạnh
Thuế suất thu nhập doanh nghiệp giảm về 22% từ 01/01/2014	Tích cực	Mạnh
Thuế suất thu nhập doanh nghiệp với DN Quy mô doanh thu dưới 17 tỷ/năm giảm về 17%	Tích cực	Yếu
Thuế giá trị gia tăng đối với nhà ở xã hội, nhà ở giá rẻ giảm 50%	Tích cực	Trung Bình
Lãi suất cho vay có thể tiếp tục giảm từ 1% - 2%	Tích cực	Mạnh
Đầu tư công vào cơ sở hạ tầng (tăng)	Tích cực	Mạnh
GDP, FDI, PMI, ODA, kiều hối, Tăng trưởng tín dụng, XNK (tăng)	Tích cực	Trung Bình
Chỉ tiêu CPI, giá xăng, điện (tăng)	Tiêu cực	Trung Bình đến Mạnh
Bội chi ngân sách, chi tiêu công (tăng)	Tiêu cực	Trung Bình đến Mạnh
Cắt giảm gói QE3 tại Mỹ	Tiêu cực	Trung Bình
Thông tư 02 và nợ xấu (tăng)	Tiêu cực	Mạnh
Tái cơ cấu Doanh nghiệp Nhà nước (bán phần vốn Nhà nước)	Tiêu cực	Yếu

Báo cáo kết quả hoạt động

Kế hoạch hoạt động

Môi giới

Mục tiêu của bộ phận là là củng cố và khai thác tối đa nền khách hàng để tăng trưởng thị phần bền vững. Thị phần môi giới khách hàng về cổ phiếu được duy trì và phát triển bền vững trong TOP 10 thị trường, Thị phần môi giới khách hàng về trái phiếu tiếp tục duy trì vị trí TOP 3 thị trường...

Tăng cường khai thác khách hàng ở tất cả các nhóm

Đối với nhóm khách hàng đại chúng, khách hàng tại DHT giao dịch

Đây được xác định là một trong số các nhóm khách hàng tiềm năng của năm 2014, do đó, BSC sẽ tận dụng lợi thế mạng lưới BIDV trên phạm vi toàn quốc để không ngừng mở rộng và phát triển nền khách hàng. Ngoài ra, BSC cũng sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác chăm sóc và truyền thông sâu rộng các sản phẩm dịch vụ gia tăng tới nhóm khách hàng này.

Đối với nhóm khách hàng VIP

Trân trọng mỗi đóng góp của từng khách hàng với BSC, các khách hàng VIP sẽ tiếp tục được chăm sóc tận tình bởi đội ngũ nhân viên môi giới và tư vấn đầu tư có kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc thị trường, cũng như được hưởng ưu đãi từ chính sách phí trên cơ sở giá trị giao dịch thường xuyên. Trên cơ sở nhận thức tầm quan trọng của khối khách hàng này, trong năm 2014 BSC đã xây dựng kế hoạch khai thác một lượng lớn khách hàng lưu ký là cổ đông của các tổ chức phát hành lớn như BIDV, Vietnamairlines,...chăm sóc các khách hàng tiềm năng trong nhóm này để duy trì việc cung cấp dịch vụ và phát triển thành khách hàng VIP lâu dài của BSC.

Về khách hàng tổ chức và nước ngoài

Việc phát triển khối khách hàng tổ chức và nước ngoài được nhận định là yếu tố quan trọng để quyết định sự tăng trưởng bền vững và ổn định trong thị phần môi giới của BSC. Do đó, trong năm 2014 Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh khai thác các khách hàng nước ngoài thông qua các đối tác, các tổ chức lưu ký và định chế tài chính nước ngoài tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động xây dựng các kế hoạch và triển khai tiếp cận các khách hàng lớn như các tập đoàn, tổng công ty, các định chế tài chính để xây dựng và phát triển nền tảng khách hàng trong các hoạt động dịch vụ như môi giới, tư vấn tài chính nhằm nâng cao vị thế và hình ảnh của Công ty trên thị trường.

Hoàn thiện và phát triển các sản phẩm tiện ích mới, các chính sách bán hàng và chính sách động lực

Để thực hiện được kế hoạch trên không thể thiếu sự hoàn thiện và phát triển các sản phẩm tiện ích mới, các chính sách bán hàng và chính sách động lực. Trong năm 2014, chuyên gia tư vấn đầu tư, sẽ được nâng cao cả về chất và lượng, Ngoài các báo cáo nhận định định kỳ và các báo cáo phân tích, nhận định cơ hội đầu tư, BSC sẽ triển khai nghiên cứu và đưa ra các khuyến nghị đầu tư tại từng thời điểm, đáp ứng yêu cầu cụ thể của từng đối tượng khách hàng,

Song song với sự phát triển của thị trường, BSC đã và đang nghiên cứu để hoàn thiện và triển khai dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, triển khai các sản phẩm phái sinh trái phiếu theo kế hoạch của HNX. Đồng thời, để khai thác thế mạnh sẵn có của hệ thống BIDV, BSC đã và đang nghiên cứu triển khai thêm các sản phẩm tiện ích mới trên cơ sở hợp tác với với chi nhánh BIDV như sản phẩm tiết kiệm & thấu chi sổ tiết kiệm qua BIDV, cho vay cầm cố chứng khoán có sẵn,cho vay ký quỹ sử dụng vốn của BIDV, kết nối kênh đặt lệnh online qua Bloomberg Terminal để phục vụ cho các khách hàng tổ chức và các khách hàng nước ngoài. Các sản phẩm dịch vụ mới dự kiến sẽ đem lại nhiều tiện ích cho các nhà đầu tư, góp phần gia tăng lợi nhuận đầu tư cho khách hàng tăng cường quan hệ gắn bó của khách hàng với BSC đồng thời nâng cao lợi thế cạnh tranh năm 2014 của BSC sánh ngang với các CTCK trong TOP 5 trên thị trường...

Cùng với các sản phẩm và tiện ích mới, BSC cũng định kỳ xem xét điều chỉnh, sửa đổi chính sách bán hàng và chính sách động lực phù hợp với thực tế thị trường trong từng

Báo cáo kết quả hoạt động

Kế hoạch hoạt động

thời kỳ để thúc đẩy doanh số giao dịch thông qua các mạng lưới các nhà môi giới chuyên nghiệp.

Tư vấn Tài chính doanh nghiệp – IB

Định hướng của bộ phận trong năm 2014 là khai thác và mở rộng mạnh mẽ hệ thống khách hàng trên cơ sở tận dụng sức mạnh của hệ thống BIDV để đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ tư vấn huy động vốn, tư vấn tái cấu trúc và M&A. Mục tiêu năm 2014 doanh thu của nghiệp vụ này đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu, duy trì vị trí TOP 5 và tiến tới vị trí TOP 3 trong mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp trong năm 2015.

Phát triển và duy trì mạng lưới khách hàng rộng lớn trên cơ sở phát huy lợi thế về mạng lưới BIDV trên phạm vi toàn quốc bằng cách đẩy mạnh công tác tiếp cận khách hàng và áp dụng chính sách bán chéo sản phẩm với các chi nhánh BIDV

Là đơn vị thành viên của hệ thống BIDV, bên cạnh sự kế thừa về nền tảng kinh nghiệm và văn hóa doanh nghiệp, BSC còn có quan hệ khăng khít với mạng lưới hơn 120 chi nhánh của BIDV trên toàn quốc. Trong năm 2014, BSC sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp và áp dụng chính sách bán chéo sản phẩm với các chi nhánh để cùng khai thác nền khách hàng của BIDV, cung cấp trọn gói các sản phẩm dịch vụ tài chính – ngân hàng – chứng khoán cho khách hàng. Ngoài ra, BSC cũng phối hợp với các chi nhánh để cùng tiếp cận các khách hàng mới, giới thiệu và cung cấp dịch vụ cho khách hàng, từng bước đưa mối quan hệ giữa hệ thống BIDV – BSC và khách hàng ngày càng bền chặt.

Đẩy mạnh tiếp cận và khai thác các khách hàng lớn như các tập đoàn, tổng công ty, các định chế tài chính để phát triển

nền tảng khách hàng bền vững, hướng tới cung cấp dịch vụ trọn gói cho chuỗi các đơn vị thành viên trong mỗi định chế

Trong những năm qua, BSC đã cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư cho công ty mẹ và/hoặc các đơn vị thành viên của các tập đoàn, tổng công ty lớn như Vinaconex, Sông Đà, Tập đoàn Dầu khí, ..., tuy nhiên các giao dịch này mang tính chất đơn lẻ và thời điểm. Trong năm tới, phát huy năng lực và kinh nghiệm tư vấn cho các doanh nghiệp, định chế tài chính lớn, BSC dự kiến tiếp cận, duy trì và tăng cường xây dựng mối quan hệ với nhóm các khách hàng lớn này để trở thành nhà tư vấn đồng hành cùng doanh nghiệp trên mỗi bước đường phát triển. Đối với mỗi khách hàng, BSC sẽ tìm hiểu và xác định từng vấn đề mà doanh nghiệp đang gặp phải, bao gồm cả những vướng mắc tại các công ty con, đơn vị thành viên, từ đó phát hiện nhu cầu và đưa ra các đề xuất tư vấn. Mỗi đề xuất của BSC sẽ là một giải pháp tổng thể trên các mặt hoạt động và mang tính hệ thống từ công ty mẹ tới công ty con và ngược lại. Với việc tư vấn cho cả hệ thống, BSC sẽ có điều kiện nắm bắt thấu đáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp và để đưa ra các ý kiến tư vấn phù hợp nhất, đồng thời cũng giúp doanh nghiệp xây dựng và triển khai các biện pháp hiệu quả và kịp thời.

Tiếp tục đẩy mạnh các sản phẩm cốt lõi của ngân hàng đầu tư bao gồm M&A, tái cấu trúc, bảo lãnh phát hành và từng bước mở rộng kênh huy động vốn từ nước ngoài vào Việt Nam

Các sản phẩm M&A, tái cấu trúc, bảo lãnh phát hành đều là dịch. Đối với các yêu cầu trên, BSC đều có thể đáp ứng và

đáp ứng rất tốt. Tuy nhiên sự thành công của mỗi giao dịch, ngoài các yếu tố chủ quan, còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố khách quan như môi trường kinh tế, chính trị, pháp lý và thời điểm thực hiện. Xác định năm 2014 là thời điểm khá thuận lợi cho các giao dịch trên, đặc biệt đối với các giao dịch phát hành chứng khoán nợ là 06 tháng đầu năm, BSC sẽ huy động tối đa mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ triển khai và kết thúc các giao dịch.

Riêng đối với việc huy động vốn từ thị trường nước ngoài, BSC đang tăng cường trao đổi thông tin với các đối tác là các định chế, ngân hàng đầu tư nước ngoài để cùng phối hợp thực hiện. Dự kiến tháng 03/2014 BSC sẽ tham gia Hội thảo các nhà đầu tư Nhật Bản để cùng hỗ trợ các nhà đầu tư sở tại từng bước thâm nhập vào thị trường Việt Nam trong những tư vấn đầu tư vào những ngành nghề tiềm năng.

Một số giao dịch lớn đã và đang thực hiện

Khách hàng	Dịch vụ cung cấp	Thời gian triển khai	Vai trò của BSC
Vietnamairlines	Tư vấn cổ phần hóa, IPO và niêm yết	Tiếp tục triển khai	Đơn vị tư vấn duy nhất
CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu	Tháng 1/2014 đến tháng 03/2014	Tổ chức đồng tư vấn, đại lý phát hành
CTCP Dệt Công nghiệp Hà Nội	Tư vấn tái cấu trúc công ty	Tháng 3/2014 đến tháng 06/2014	Tổ chức tư vấn duy nhất
Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex)	Tư vấn bán đấu giá, thoái vốn đầu tư	Từ tháng 01/2014	Tổ chức tư vấn duy nhất
Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	Tư vấn phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần	Tiếp tục triển khai	Tổ chức tư vấn duy nhất
Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin)	Tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu	Tháng 01/2014 đến tháng 06/2014	Tổ chức đồng tư vấn, đại lý phát hành

Báo cáo kết quả hoạt động

Tự doanh và Kinh doanh nguồn vốn

Khối Hỗ trợ



Định hướng của tự doanh và kinh doanh nguồn vốn trong năm 2014 là tiếp tục cơ cấu danh mục đầu tư tài chính đảm bảo hệ số an toàn tài chính theo thông từ 210. Tận dụng cơ hội thị trường để đầu tư trading ngắn hạn cổ phiếu, trái phiếu với mục tiêu an toàn và hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty...

Tái cơ cấu danh mục đầu tư và đảm bảo hệ số an toàn tài chính

Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính để nâng cao tính thanh khoản của tài sản, đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn tài chính đối với công ty chứng khoán. Phương án thoái vốn sẽ được xây dựng cụ thể cho từng giao dịch, phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh của tổ chức phát hành và quy mô của khoản đầu tư.

Tận dụng cơ hội thị trường để thực hiện trading và đầu tư mang lại lợi nhuận cho công ty

Trên cơ sở nhận định về triển vọng kinh tế vĩ mô và triển vọng các ngành năm 2014, Công ty sẽ lựa chọn đầu tư

danh mục với các cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng hoạt động tốt.

Hoạt động tự doanh trái phiếu sẽ được thực hiện đối với cả trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu chính phủ, trái phiếu đô thị và trái phiếu doanh nghiệp. Tuy nhiên với xu hướng lãi suất giảm sâu trong năm 2013 và dự kiến sẽ duy trì ổn định trong năm 2014 thì cơ hội trading trái phiếu mang lại lợi nhuận cao sẽ khó duy trì được như trong năm 2013.

Rà soát, cập nhật và chỉnh sửa chính sách đầu tư, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư dự kiến cho giai đoạn mới

Năm 2014, theo kế hoạch đề ra, sẽ là năm BSC hoàn thành công tác tái cơ cấu danh mục đầu tư để tăng tính thanh khoản cho danh mục. Việc hoàn thành tái cơ cấu đồng nghĩa với việc BSC sẽ phải rà soát và chỉnh sửa các chính sách đầu tư hiện hành và xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư mới. Là một hoạt động định kỳ thường niên, tuy nhiên năm 2014 công tác này có ý nghĩa rất lớn đối với nghiệp vụ đầu tư của BSC vì đây sẽ là cơ sở, định hướng cho cả giai đoạn 3 – 5 năm tới.

Quản lý tài chính và quản trị chi phí:

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện chi phí theo kế hoạch và định mức; thường xuyên rà soát đánh giá để có những điều chỉnh phù hợp
- Tiếp tục triển khai quản lý chi phí quản lý kinh doanh chung theo định mức và tiến tới khoán lương cho bộ phận tư vấn tài chính để nâng cao hiệu quả hoạt động
- Thực hiện xây dựng và quản lý kế hoạch tài chính, giao và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của từng bộ phận và toàn Công ty định kỳ hàng tháng, phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ.

Quản trị nguồn nhân lực

- Chú trọng nâng cao chất lượng nhân sự nhằm cung cấp các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao cho TTCK
- BSC sử dụng kết hợp Balanced Scorecard (thể điểm cân bằng) và KPI trong tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân

cạnh tranh thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.

- Xây dựng kế hoạch phát hiện, đào tạo và phát triển ngũ lãnh đạo cấp trung kế cận đáp ứng yêu cầu của môi trường kinh doanh và khách hàng trong giai đoạn sắp tới; đào tạo nâng cao kỹ năng quản trị cho cán bộ quản lý

Quản trị rủi ro

- Hoàn thiện dự án quản trị rủi ro doanh nghiệp, xây dựng được hệ thống quản trị rủi ro chặt chẽ và hiệu quả để hỗ trợ cho quản trị điều hành hoạt động toàn Công ty, từng bước đưa quản trị rủi ro trở thành một nét đặc trưng trong văn hóa Công ty.
- Liên tục thực hiện rà soát và hoàn thiện các quy trình, quy chế hoạt động để cải tiến và hoàn thiện phù hợp với yêu cầu kinh doanh và thay đổi về chính sách chung của Nhà nước.

Hoạt động xã hội

Gắn kết với cộng đồng

“BSC tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng. Chúng tôi tập trung góp sức mang lại bữa cơm, con chữ cho những gia đình, trẻ em tại các vùng miền khó khăn”



Nhận thức được tầm quan trọng của trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội trong việc tạo ra sự cân bằng giữa kinh doanh và sự phát triển của cộng đồng, BSC đã xúc tiến nhiều hoạt động, đồng thời khuyến khích nhân viên tích cực tham gia, trong đó có kể đến những hoạt động hỗ trợ nạn nhân bị ảnh hưởng bởi thiên tai lũ lụt, trao quà cho bà con nghèo ở vùng cao.

Hoạt động đóng góp vì cộng đồng được BSC không ngừng mở rộng, đầu năm 2013, qua chương trình “Xuân ấm áp tình thương”. Với hoạt động này, BSC đã mang đến mùa xuân ấm áp, chan chứa tình người cho bà con dân tộc Hòa Bình qua những món quà thiết thực, chứa đậm tình người.

Một trong những chương trình hoạt động chủ đạo xuyên suốt năm 2013 của BSC nhằm nối tiếp truyền thống “lá lành đùm lá rách”, BSC đã xây dựng bếp ăn nội trú và giành tặng nhiều phần quà, quần áo, sách vở, lương thực trong cho trẻ sự phát triển của đất nước, dân tộc cần phải lấy thế hệ trẻ làm nguồn gốc, BSC thường xuyên phối hợp với phòng giáo dục và nhà trường tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa nghệ thuật, bữa cơm có thịt để mang đến niềm vui, niềm hạnh phúc cho học sinh nghèo tại đây.

Bên cạnh những chương trình tự tổ chức, BSC còn tích cực tham gia cùng với Ngân hàng BIDV để thực hiện những chương trình từ thiện lớn như giúp đỡ đồng bào lũ lụt, xây dựng nhà tình nghĩa, xây dựng trường học trên khắp cả nước.

Hoạt động xã hội

Gia đình BSC



Năm 2013, BCH Đoàn BSC đã phối hợp với Công đoàn công ty tổ chức chương trình hành trình về nguồn, tìm hiểu lịch sử cách mạng vùng đất lửa Quảng Trị, thăm quan Thành cổ Quảng Trị, địa đạo Vĩnh Mốc, cầu Hiền Lương, sông Bến Hải – những địa danh lịch sử thiêng liêng ghi dấu những chiến công oanh liệt, những hi sinh xương máu của quân và dân ta trong hai cuộc kháng chiến. Đoàn cũng tổ chức dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ đang yên nghỉ tại Nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia Trường Sơn. Chương trình đã được tổ chức thành công với sự tham gia của gần 40 đoàn viên thanh niên tại Hội sở và chi



nhánh, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của tuổi trẻ.

Cũng trong năm 2013, BSC cũng liên tục xây dựng các chương trình thăm quan dã ngoại cho các chuyên viên, tổ chức thành công hoạt động chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam, Phụ nữ Quốc tế... Tất cả những chuyên viên, chuyên gia một khi đã gia nhập gia đình BSC đều là thành viên của những buổi giao lưu văn hóa, văn nghệ ấm cúng và giàu ý nghĩa trong nội bộ công ty và với các đối tác kinh doanh. Chính những nhân tố đó đã nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên hoạt động ngày càng đoàn kết, gắn bó, xây dựng một tập thể BSC vững mạnh.

Quản trị Doanh nghiệp

Hoạt động HĐQT



Trước những biến động của thị trường chứng khoán nói riêng và môi trường kinh doanh nói chung trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự của Công ty phù hợp với quy chế, quy định của Công ty và của Pháp luật, bám sát mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Ngoài các cuộc họp định kỳ, Hội đồng quản trị cũng triệu tập các cuộc họp đột xuất để đảm bảo kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh các quyết định quản lý phù hợp với diễn biến của tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong bối cảnh thị trường năm 2013. Các hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, fax, email cũng được áp dụng để có kênh thông tin trao đổi thường xuyên, linh hoạt giữa các thành viên của Hội đồng quản trị. Nội dung chính thảo luận tại các phiên họp sau khi đạt được sự thống nhất giữa các thành viên Hội đồng quản trị được thể chế thành Nghị quyết HĐQT. Trong năm 2013, HĐQT triệu tập 6 phiên họp và ban hành một số nghị quyết với các nội dung chính như sau:

- Thảo luận thông qua Dự thảo Kế hoạch kinh doanh năm 2013
- Thông qua việc thay đổi nhân sự chủ chốt của công ty và phương án thành viên HĐQT độc lập
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty trình ĐHĐCĐ thường niên 2013 phê duyệt

- Thông qua kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2013
- Thống nhất thông qua một số nội dung Đề án tái cấu trúc BSC như: mục tiêu tái cơ cấu, một số chỉ tiêu kinh doanh chính, mô hình tổ chức công ty sau tác động của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thành lập Công ty chứng khoán và Quyết định số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.
- Phê duyệt danh sách, trình tự, thủ tục quy hoạch cán bộ giai đoạn 2013 – 2015.
- Thống nhất thông qua kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2013 – Kế hoạch và biện pháp triển khai Đề án tái cấu trúc của công ty
- Thống nhất thông qua dự kiến kết quả hoạt động năm 2013 và Kế hoạch kinh doanh năm 2014

Ngoài 06 cuộc họp chính thức nêu trên, Hội đồng quản trị còn tiến hành lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thống nhất thông qua một số vấn đề mang tính chủ trương lớn, được thể chế dưới hình thức Nghị quyết của HĐQT như chủ trương thuê đơn vị tư vấn xây dựng hệ thống quản trị rủi ro tại BSC, miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty kiểm soát chi nhánh, quỹ thu nhập năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, quỹ thu nhập năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam...

Quản trị Doanh nghiệp

Hoạt động Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2013 đã góp phần vào sự thành công của công ty, Ban Kiểm soát với ba thành viên là những người có kinh nghiệm quản lý, có trình độ cao về kế toán, tài chính đã phát huy vai trò là cơ quan giám sát HĐQT và Ban điều hành để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật, tuân thủ Điều lệ, Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Quy chế quản trị công ty cũng đã có những quy định thiết thực nhằm tạo điều kiện cho các thành viên Ban Kiểm soát có đủ điều kiện thực hiện hết các chức năng, quyền hạn của mình cả về cơ sở vật chất hoạt động và cách thức thu thập thông tin, báo cáo. Các cuộc họp HĐQT đều có đại diện Ban Kiểm soát tham dự hoặc giám sát thông qua tài liệu họp được gửi cùng khi công ty gửi thư mời họp HĐQT.

Với đặc thù là một công ty chứng khoán, Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ bắt buộc theo quy định của Quy chế và hoạt động của công ty chứng khoán ban hành kèm theo quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/04/2007 của Bộ Tài chính. Hệ thống kiểm soát nội bộ với đội ngũ dày dặn kinh nghiệm, có đầy đủ chứng chỉ hành nghề thực hiện việc kiểm soát tuân thủ quy trình, quy chế của công ty và kiểm toán nội bộ. Hệ thống Kiểm soát nội bộ tuy không thuộc Ban kiểm soát nhưng cũng được xem là cánh tay nối dài của Ban kiểm soát trong việc duy trì giám sát hàng ngày. Các báo cáo kết quả kiểm soát của hệ thống Kiểm soát nội bộ cũng là nguồn thông tin quan trọng giúp cho Ban kiểm soát có nguồn thông tin quan trọng giúp Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.



Quản trị Doanh nghiệp

Các giao dịch, thù lao giao dịch và lợi ích có liên quan



Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/03/2013 của Đại hội đồng cổ đông, Trên cơ sở hoạt động thực tế của HĐQT, BKS, trong năm 2013 Công ty đã thực hiện thanh toán thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát BSC như sau:

Thành viên	Chi phí	Lương	Phụ cấp hợp	Thù lao	Thưởng	Lợi ích khác
Hội đồng quản trị						
Hoàng Huy Hà			12.000.000	60.000.000		
Đỗ Huy Hoài			12.000.000			
Trần Phương			12.000.000	36.000.000		
Nguyễn Quốc Hưng			12.000.000	36.000.000		
Ban kiểm soát						
Bùi Thị Hòa			12.000.000	30.000.000		
Hoàng Thị Hương			12.000.000	12.000.000		
Trần Minh Hải			12.000.000			



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho các cổ đông ngoài Nhà nước là 10.274.670 đơn vị, chiếm 11,88% vốn điều lệ, trong đó số cổ phần bán cho công chúng là 10.195.570 đơn vị và số lượng cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên của Công ty là 79.100 đơn vị.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1,10,11 – Tháp BIDV-35 Hàng Vôi, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại lầu 9 số 146 phố Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Hoàng Huy Hà	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 07 năm 2011
Ông Đỗ Huy Hoài	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010
Ông Trần Phương	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Thắng	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 12 tháng 03 năm 2013

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010
Ông Trần Minh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 07 năm 2011

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Đỗ Huy Hoài	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 14 tháng 1 năm 2013
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010
Ông Nguyễn Quốc Tín	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2013
Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2012

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đỗ Huy Hoài – Chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

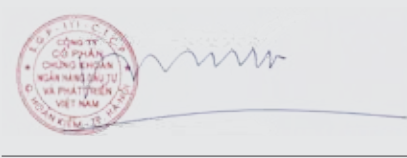
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2014

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 60758150/16395213

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 10 tháng 03 năm 2014 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0452-2013-004-1



Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0923-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.506.359.779.923	1.182.817.149.566
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	310.137.802.436	470.115.194.719
111	1. Tiền		305.937.802.436	195.115.194.719
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000	275.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	927.412.078.658	576.822.160.448
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.007.290.194.104	749.510.094.969
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(79.878.115.446)	(172.687.934.521)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	268.479.599.303	135.303.377.214
131	1. Phải thu của khách hàng		366.500.000	444.700.000
132	2. Trả trước cho người bán		77.182.322	76.385.500
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		285.983.200.343	132.716.260.660
138	4. Các khoản phải thu khác		10.288.071.199	3.747.212.402
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8	(28.235.354.561)	(1.681.181.348)
140	IV. Hàng tồn kho	9	22.175.365	334.806.185
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		308.124.161	241.611.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	1.400.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		55.824.161	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	252.300.000	240.211.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.478.130.863	124.900.838.427
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
213	2. Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
218	3. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.492.534.553	2.662.258.495
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11.1	1.481.045.660	2.507.908.402
222	Nguyên giá		10.385.452.494	16.670.549.969
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.904.406.834)	(14.162.641.567)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11.2	11.488.893	154.350.093
228	Nguyên giá		921.400.000	945.680.998
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(909.911.107)	(791.330.905)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6	18.965.521.809	105.956.861.438
253	1. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn		48.483.832.109	129.499.471.738
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		31.718.310.300	129.499.471.738
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		16.765.521.809	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác		-	-
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(29.518.310.300)	(23.542.610.300)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		15.020.074.501	16.281.718.494
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	3.355.447.163
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	12.385.767.397	10.158.036.579
268	4. Tài sản dài hạn khác		2.634.307.104	2.768.234.752
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.541.837.910.786	1.307.717.987.993

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		849.392.412.152	630.172.207.978
310	I. Nợ ngắn hạn		849.392.412.152	630.172.207.978
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	419.000.000.000	19.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		1.808.237.417	535.863.342
313	3. Người mua trả tiền trước		1.515.540.722	1.875.716.141
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.011.734.284	562.433.855
315	5. Phải trả người lao động		4.842.284.029	5.761.943.583
316	6. Chi phí phải trả	15	908.149.144	307.313.011
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	161.749.907.067	168.381.912.672
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		41.339.692.793	5.219.468.947
322	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
327	10. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		164.572.630.000	95.200.000.000
328	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	51.644.236.696	333.327.556.427
329	12. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
333	1. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	2. Vay và nợ dài hạn		-	-
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
339	4. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		-	-
340	5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn		-	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	692.445.498.634	677.545.780.015
410	I. Vốn chủ sở hữu		692.445.498.634	677.545.780.015
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		865.000.000.000	865.000.000.000
415	2. Thặng dư vốn cổ phần		241.713.457	241.713.457
416	3. Quỹ chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	5. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định		-	-
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	7. Lỗ lũy kế		(172.796.214.823)	(187.695.933.442)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.541.837.910.786	1.307.717.987.993

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

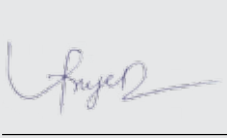
Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	-	-
003	3. Tiền vay của khách hàng do Công ty cam kết bảo đảm	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	31.472.000.000	-
005	5. Ngoại tệ các loại	42.265	50.525
006	6. Chứng khoán lưu ký <i>Trong đó</i>	12.283.674.820.000	8.139.040.180.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	9.621.451.420.000	6.844.403.990.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	42.518.680.000	70.192.690.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	8.465.770.050.000	5.738.983.300.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.113.162.690.000	1.035.228.000.000
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	150.537.670.000	194.039.120.000
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	150.537.670.000	194.039.120.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	748.014.860.000	223.042.580.000
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	166.137.400.000	100.000.000.000
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	581.877.460.000	123.042.580.000
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
024	6.4.1. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	-	-
025	6.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	-	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	531.985.280.000	145.650.360.000
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	2.419.510.000	439.390.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	528.332.770.000	144.171.570.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	1.233.000.000	1.039.400.000
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	64.571.610.000	22.500.000
033	6.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	-	-
034	6.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	64.571.610.000	22.500.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

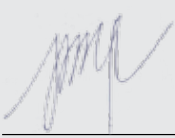
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	903.116.530.000	609.552.370.000
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	724.040.000	1.000.000
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	900.203.320.000	609.172.140.000
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	2.189.170.000	379.230.000
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	263.997.450.000	122.329.260.000
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết <i>Trong đó</i>	6.068.580.000	-
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	6.068.580.000	-
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	6.068.580.000	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	512.590.000	739.890.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	67.328.920.000	334.323.660.000

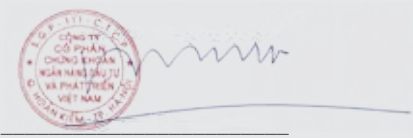
Người lập:


Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Người phê duyệt:


Bà Trần Ngọc Diệp
Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán

Người phê duyệt:


Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2014

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
01	1. Doanh thu	19	218.500.785.286	221.125.295.476
	Trong đó:			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		53.458.094.602	34.020.009.260
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		73.261.794.671	69.171.612.750
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		2.973.000.000	1.430.000.000
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		8.102.568.335	7.921.495.900
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		15.857.051.819	20.490.497.431
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		5.595.712.466	5.916.923.122
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	- Doanh thu khác		59.252.563.393	82.174.757.013
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20	218.500.785.286	221.125.295.476
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	(171.516.923.854)	(192.276.465.763)
	Trong đó:			
	- Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		(224.962.586.300)	(242.900.138.046)
	- Hoàn nhập dự phòng chứng khoán		53.445.662.446	50.623.672.283
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		46.983.861.432	28.848.829.713
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(33.059.901.074)	(7.790.892.812)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.923.960.358	21.057.936.901
31	8. Thu nhập khác		2.152.599.371	282.143.337
32	9. Chi phí khác		(950.841.110)	(165.522.000)
40	10. Lợi nhuận khác		1.201.758.261	116.621.337
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.125.718.619	21.174.558.238
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	15	-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		15.125.718.619	21.174.558.238
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.4	175	245

Người lập:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Trần Ngọc Diệp
Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán

Người phê duyệt:

Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 10 tháng 03 năm 2014

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.125.718.619	21.174.558.238
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(93.126.923.989)	(146.324.585.623)
02	Khấu hao tài sản cố định		1.335.802.030	2.577.440.142
03	Các khoản lập dự phòng		(26.853.778.674)	(49.375.952.952)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi hoạt động đầu tư		(89.080.950.398)	(116.025.888.862)
06	Chi phí lãi vay		21.472.003.053	16.499.816.049
08	3. Lỗ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(78.001.205.370)	(125.150.027.385)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(152.412.797.761)	44.668.455.162
10	Giảm tồn kho		312.630.820	58.999.360
11	Giảm chứng khoán thương mại		21.485.926.548	248.249.560.189
12	Giảm các khoản phải trả		(181.359.347.748)	(1.882.773.348.810)
13	Giảm chi phí trả trước		3.356.847.163	(1.517.401.261)
14	Tiền lãi vay đã trả		(20.892.451.131)	(26.984.829.938)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		133.927.648	172.364.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.319.566.158)	(2.513.635.510)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(409.696.035.989)	(1.745.789.864.193)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(769.065.000)	(1.535.389.533)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		400.909.091	1.340.573.151
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(340.000.000.000)	(6.776.931.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	781.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		103.661.157.317	4.711.100.346
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		86.425.642.298	122.517.535.338
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(150.281.356.294)	121.037.888.302

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		5.235.557.000.000	1.334.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.835.557.000.000)	(1.315.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		400.000.000.000	19.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(159.977.392.283)	(1.605.751.975.891)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	470.115.194.719	2.075.867.170.610
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	310.137.802.436	470.115.194.719

Người lập:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2014

Người phê duyệt:

Bà Trần Ngọc Diệp
Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán

Người phê duyệt:

Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm			Số tăng/giảm			Số dư cuối năm		
	Thuyết minh	Ngày 01 tháng 01 năm 2012	Ngày 01 tháng 01 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	B	1	2	Tăng	Giảm	5	7	8	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		865.000.000.000	865.000.000.000	-	-	-	865.000.000.000	865.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần		241.713.457	241.713.457	-	-	-	241.713.457	241.713.457	
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	
4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	
5. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	
6. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	-	-	-	-	-	-	
7. Lỗ lũy kế		(208.628.491.680)	(187.695.933.442)	21.174.558.238	(242.000.000)	15.125.718.619	(187.695.933.442)	(172.796.214.823)	
Tổng cộng		656.613.221.777	677.545.780.015	21.174.558.238	(242.000.000)	15.125.718.619	677.545.780.015	692.445.498.634	

Người lập:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2014

Người phê duyệt:

Bà Trần Ngọc Diệp
Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán

Người phê duyệt:

Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty); tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là BIDV Securities Joint Stock Company (gọi tắt là BSC) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng.Tại thời điểm chuyển đổi thành Công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho các cổ đông ngoài Nhà nước là 10.274.670 đơn vị, chiếm 11,88% vốn điều lệ, trong đó số cổ phần bán cho công chúng là 10.195.570 đơn vị và số lượng cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên của Công ty là 79.100 đơn vị.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1,10,11 - Tháp BIDV - 35 Hàng Vôi, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại lầu 9 số 146 phố Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn Điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty là 865.000.000.000 đồng Việt Nam.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 142người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 146 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY(tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng(tiếp theo)

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Theo qui định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

Theo đó, kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ngừng trích khấu hao cho các tài sản có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận giá trị còn lại của các tài sản này vào chi phí của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4 năm

3.7 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.8.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại và đầu tư ngắn hạn khác.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.8.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

3.8.3 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

3.9.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 89”). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên UPCom thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Các chứng khoán không niêm yết không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được tham khảo các tạp chí có uy tín hoặc các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, đồng thời tham khảo giá trị sổ sách của đơn vị phát hành chứng khoán. Trong trường hợp các nguồn thông tin đáng tin cậy như trên không có sẵn trên thị trường, các chứng khoán này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.9.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết là các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/ khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Lợi ích của nhân viên

3.12.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không có một nghĩa vụ nào khác.

3.12.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các thù lao khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Trợ cấp mất việc: Theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc căn cứ theo các qui định của Luật Lao động và mức độ chi trả trợ cấp thôi việc trong các năm qua. Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Công ty không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.12.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công thẳng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc USD được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính .

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.17 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Công ty chỉ tiến hành trích lập các quỹ nêu trên trong trường hợp Công ty không còn lỗ lũy kế.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.19 Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định trong quá trình xác định lại giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản theo quy định tại Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 và Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 8 tháng 12 năm 2007. Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 3 năm theo quy định tại Thông tư số 106/2007/TT-BTC hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền	305.937.802.436	195.115.194.719
Tiền mặt	245.417.776	13.561.636
Tiền gửi ngân hàng	305.692.384.660	195.101.633.083
Trong đó:		
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	148.864.786.224	28.321.781.085
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	156.827.598.436	166.779.851.998
Các khoản tương đương tiền	4.200.000.000	275.000.000.000
	310.137.802.436	470.115.194.719

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)
1. Của Công ty	219.239.342	18.229.873.465.428
Cổ phiếu	60.835.030	885.970.053.100
Trái phiếu	158.404.312	17.343.903.412.328
2. Của nhà đầu tư	2.320.074.832	77.356.106.090.735
Cổ phiếu	1.802.999.242	21.675.394.947.300
Trái phiếu	517.075.590	55.680.711.143.435
	2.539.314.174	95.585.979.556.163

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.007.290.194.104	749.510.094.969
Chứng khoán thương mại	707.290.194.104	744.752.894.969
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	300.000.000.000	4.757.200.000
- Ủy thác đầu tư	-	4.757.200.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	300.000.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	48.483.832.109	129.499.471.738
Chứng khoán đầu tư	48.483.832.109	129.499.471.738
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	31.718.310.300	129.499.471.738
- Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	16.765.521.809	-
	1.055.774.026.213	879.009.566.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH(tiếp theo)

6.1. Dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Chi tiết về dự phòng giảm giá chứng khoán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	79.878.115.446	172.687.934.521
Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	79.878.115.446	172.687.934.521
- Cổ phiếu niêm yết	31.651.784.889	123.003.345.064
- Cổ phiếu trên sàn Upcom	4.338.182	118.609.368
- Cổ phiếu chưa niêm yết	48.221.992.375	49.565.980.089
Dự phòng giảm giá chứng khoán khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	29.518.310.300	23.542.610.300
	109.396.425.746	196.230.544.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2.

Chi tiết danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kết toán (VNĐ)		So với giá trị trước (VNĐ)		Tổng giá trị theo giá trị trước (VNĐ)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ	Đầu kỳ
I. Chung khoản thương mại	16.485.035	29.628.339	707.290.194.104	744.752.894.969	11.239.262.142	16.914.470	79.878.115.446	172.687.934.521
1. Cổ phiếu niêm yết	4.463.674	6.031.728	129.559.905.458	215.850.317.305	11.234.981.531	14.903.559	31.651.784.889	123.003.345.064
HCM	1.021.300	553.600	45.572.459.301	49.405.490.000	10.292.650.699	-	135.090.000	55.865.110.000
SPP	947.700	954.100	28.576.477.562	28.769.460.000	-	-	21.658.267.562	6.918.210.000
FPT	420.055	1	20.090.152.891	36.132	-	-	305.562.391	932
Cổ phiếu khác (1)	2.074.619	4.524.027	35.320.815.704	137.675.331.173	942.330.832	14.903.559	9.687.954.936	100.586.674.132
2. Cổ phiếu trên sàn Upcom	1.478	19.518	20.130.671	179.826.357	4.280.611	2.010.911	4.338.182	118.609.368
3. Cổ phiếu chưa niêm yết	10.519.843	22.573.681	379.269.657.975	428.354.709.189	-	-	48.221.992.375	49.565.980.089
THC	7.499.900	7.499.900	299.996.000.000	299.996.000.000	-	-	-	299.996.000.000
PHU	1.923.027	1.923.027	58.063.615.500	58.063.615.500	-	-	38.833.345.500	19.230.270.000
Cổ phiếu khác (2)	1.096.916	13.150.754	21.210.042.475	70.295.093.689	-	-	9.388.646.875	31.885.931.589
4. Trái phiếu (3)	1.500.040	1.003.412	198.440.500.000	100.368.042.118	-	-	-	198.440.500.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác	-	400.000	300.000.000.000	4.757.200.000	-	-	-	300.000.000.000
1. Hợp tác đầu tư BRI	-	400.000	-	4.757.200.000	-	-	-	4.757.200.000
2. Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000
III. CK đầu tư dài hạn	2.373.274	10.955.200	48.483.832.109	129.499.471.738	-	-	29.518.310.300	23.542.610.300
DIC	1.991.900	1.991.900	29.518.310.300	29.518.310.300	-	-	29.518.310.300	23.542.610.300
Cổ phiếu khác	220.000	8.866.700	2.200.000.000	90.026.230.438	-	-	-	2.200.000.000
Trái phiếu (3)	161.374	96.600	16.765.521.809	9.954.931.000	-	-	16.765.521.809	9.954.931.000
Tổng	18.858.309	40.983.539	1.055.774.026.213	879.009.566.707	11.239.262.142	16.914.470	109.396.425.746	196.230.544.821

18.858.309	40.983.539	1.055.774.026.213	879.009.566.707	11.239.262.142	16.914.470	109.396.425.746	196.230.544.821	957.616.862.609	682.795.936.356
------------	------------	-------------------	-----------------	----------------	------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------

- (1) Cổ phiếu khác bao gồm danh mục các mã cổ phiếu có giá trị ghi sổ dưới 10.000.000.000 đồng Việt Nam.
- (2) Cổ phiếu khác bao gồm danh mục các mã cổ phiếu có giá trị ghi sổ dưới 20.000.000.000 đồng Việt Nam.
- (3) Không có đủ thông tin để xác định giá trị trước của trái phiếu nên các trái phiếu này đang được phản ánh theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.

CÁC KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
	Tổng số	Dự phòng đã trích lập	Tăng	Giảm	Tổng số	Dự phòng đã trích lập
1. Phải thu của khách hàng	444.700.000	-	11.973.904.753	(12.052.104.753)	366.500.000	-
2. Phải trả người bán	76.385.500	-	7.098.918.698	(7.098.121.876)	77.182.322	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	132.716.260.660	1.643.470.789	14.727.026.258.221	(14.573.759.318.538)	285.983.200.343	(24.980.354.561)
Phải thu Sở (Trung tâm) GDCK	125.519.800	-	9.106.580.037.761	(9.103.926.517.561)	2.779.040.000	-
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	132.590.740.860	1.643.470.789	5.620.446.220.460	(5.469.832.800.977)	283.204.160.343	(24.980.354.561)
4. Phải thu khác	3.747.212.402	37.710.559	1.087.064.334.014	(1.080.523.475.217)	10.288.071.199	(3.255.000.000)
Dự thu hợp đồng kỳ quỹ	525.483.140	-	7.865.684.576	(7.075.969.395)	1.315.198.321	-
Dự thu lãi trái phiếu	529.971.469	-	1.275.721.262	(964.481.676)	841.211.055	-
Dự thu lãi từ các hợp đồng tiền gửi	1.668.750.000	-	28.390.680.558	(26.837.097.225)	3.222.333.333	-
Phải thu cổ tức từ các khoản đầu tư tự doanh	1.310.100	-	39.220.324.866	(39.219.554.866)	2.080.100	-
Các khoản phải thu khác	1.021.697.693	37.710.559	1.010.311.922.752	(1.006.426.372.055)	4.907.248.390	(3.255.000.000)
	136.984.558.562	1.681.181.348	15.833.163.415.686	(15.673.433.020.384)	296.714.953.864	(28.235.354.561)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 VNĐ
Số dư đầu kỳ	1.681.181.348	433.462.017
Số sử dụng trong năm	(37.710.559)	-
Số trích lập trong năm	26.591.883.772	1.247.719.331
Số dư cuối kỳ	28.235.354.561	1.681.181.348

9. HÀNG TỐN KHO

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	15.323.812	322.966.640
Công cụ, dụng cụ	6.851.553	11.839.545
	22.175.365	334.806.185

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tạm ứng	42.300.000	25.211.000
Cầm cố ký cược, ký quỹ	210.000.000	215.000.000
	252.300.000	240.211.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

11.1 Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	TSCĐ khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:				
Ngày 1 tháng 1 năm 2013	14.108.232.015	1.931.869.647	630.448.307	16.670.549.969
Mua trong năm	769.065.000	-	-	769.065.000
Xóa sổ (*)	(5.170.530.844)	(19.466.480)	(319.562.527)	(5.509.559.851)
Thanh lý	(636.511.714)	(908.090.910)	-	(1.544.602.624)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	9.070.254.457	1.004.312.257	310.885.780	10.385.452.494
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Ngày 1 tháng 1 năm 2013	12.114.260.441	1.788.141.813	260.239.313	14.162.641.567
Tăng trong năm	1.045.375.463	40.221.277	107.344.090	1.192.940.830
Xóa sổ (*)	(4.706.394.289)	(19.466.480)	(180.712.170)	(4.906.572.939)
Giảm trong năm	(636.511.714)	(908.090.910)	-	(1.544.602.624)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.816.729.901	900.805.700	186.871.233	8.904.406.834
Giá trị còn lại:				
Ngày 1 tháng 1 năm 2013	1.993.971.574	143.727.834	370.208.994	2.507.908.402
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.253.524.556	103.506.557	124.014.547	1.481.045.660

11.2 Tài sản cố định vô hình

	Tài sản vô hình khác VNĐ
Nguyên giá:	
Ngày 01 tháng 01 năm 2013	945.680.998
Xóa sổ(*)	(24.280.998)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	921.400.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Ngày 01 tháng 01 năm 2013	791.330.905
Tăng trong năm	142.861.200
Xóa sổ(*)	(24.280.998)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	909.911.107
Giá trị còn lại:	
Ngày 01 tháng 01 năm 2013	154.350.093
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	11.488.893

(*) Theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ngừng trích khấu hao cho các tài sản có giá trị từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận giá trị còn lại của các tài sản này vào chi phí của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	8.970.315.241	7.842.903.005
Tiền lãi phân bổ	3.295.452.156	2.195.133.574
	12.385.767.397	10.158.036.579

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Khoản vay Ngân hàng Liên doanh Việt Thái	30.000.000.000	19.000.000.000
Khoản vay Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	299.000.000.000	-
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	90.000.000.000	-
	419.000.000.000	19.000.000.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	267.276.098	259.075.826
Thuế thu nhập cá nhân	87.282.402	101.284.686
Các loại thuế khác	1.657.175.784	202.073.343
	2.011.734.284	562.433.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
I	Thuế				
1	Thuế giá trị gia tăng	259.075.826	2.724.029.439	(2.715.829.167)	267.276.098
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	101.284.686	2.156.120.396	(2.170.122.680)	87.282.402
4	Các loại thuế khác	202.073.343	10.640.577.296	(9.185.474.855)	1.657.175.784
	Thuế thu nhập nộp hộ nhà đầu tư	202.073.343	10.614.396.398	(9.159.293.957)	1.657.175.784
	Thuế môn bài	-	1.000.000	(1.000.000)	-
	Thuế nhà thầu	-	25.180.898	(25.180.898)	-
		562.433.855	15.520.727.131	(14.071.426.702)	2.011.734.284

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chínhcó thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
1. Lãi trước thuế TNDN	15.125.718.619	21.174.558.238
Các khoản mục điều chỉnh:		
Trừ:		
Thu nhập được miễn thuế TNDN:	-	-
Thu nhập từ cổ tức	(9.196.742.506)	(15.589.201.886)
Cộng:		
Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	23.360.159.562	-
Chuyển lỗ của những năm trước (*)	(29.289.135.675)	(5.585.356.352)
2. Thu nhập chịu thuế	-	-
3. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp phải thu kỳ trước	-	-
Hoàn thuế do cổ phần hóa	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp cuối kỳ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

(*) Chuyển lỗ của những năm trước:

Trước thời điểm cổ phần hóa, Công ty phát sinh lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo quy định hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó.

Công ty không thực hiện tính và hạch toán thuế hoãn lại trên số lỗ còn lại chưa chuyển do không chắc chắn về khả năng tạo được đủ số lợi nhuận trong các năm tiếp theo để có thể căn trừ khoản lỗ này.

Trong năm 2011, Cơ quan thuế địa phương đã tiến hành kiểm tra quyết toán thuế đối với Công ty từ năm 2007 đến năm 2010 cho mục đích chuyển đổi cổ phần doanh nghiệp. Số liệu chi tiết liên quan đến việc chuyển lỗ đã được quyết toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Năm tài chính	Lỗ tính thuế phát sinh trong năm VNĐ	Đã chuyển lỗ trong năm VNĐ	Số còn được chuyển lỗ tính đến cuối kỳ VNĐ
Năm 2008	580.846.116.738	-	580.846.116.738
Năm 2009	-	407.983.399.515	172.862.717.223
Năm 2010	7.773.084.547	-	180.635.801.770

Số liệu lỗ phát sinh và việc chuyển lỗ năm 2012 và 2013 như sau:

Năm tài chính	Lỗ tính thuế phát sinh trong năm VNĐ	Đã chuyển lỗ trong năm VNĐ	Số còn được chuyển lỗ tính đến cuối kỳ VNĐ
Năm 2011	227.929.682.087	-	408.565.483.857
Năm 2012	-	5.585.356.352	402.980.127.505
Năm 2013 (*)	-	29.289.135.675	235.702.766.634

(*): Số còn được chuyển lỗ sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm khoản chuyển lỗ của các năm 2010 là 7.773.084.547 VNĐ và năm 2011 là 227.929.682.087 VNĐ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nghĩa vụ thuế cũng như lỗ tính thuế ước tính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Lãi dự trả cho các hợp đồng mua lại trái phiếu	340.649.144	222.000.000
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	467.500.000	6.597.222
Phải trả khác	100.000.000	78.715.789
	908.149.144	307.313.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Phải trả TTGDCK về chứng khoán tự doanh	3.816.707.347	828.808.117
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	330.000.000	340.000.000
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán	156.827.598.436	166.779.851.998
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại trụ sở chính	33.780.628.512	27.023.464.653
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	24.833.337.339	20.370.039.545
Phải trả TTGDCK ngày T	98.213.632.585	119.386.347.800
Phải trả khác về hoạt động giao dịch chứng khoán	775.601.284	433.252.557
	161.749.907.067	168.381.912.672

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Bảo hiểm xã hội	69.549.000	-
Bảo hiểm y tế	13.333.860	-
Bảo hiểm thất nghiệp	5.806.880	-
Kinh phí công đoàn	1.374.546	220.624.940
Môi giới trái phiếu	-	330.000.000.000
Các khoản đặt cọc khác	49.062.198.500	1.950.600.000
Phải trả phải nộp khác	2.491.973.910	1.156.331.487
	51.644.236.696	333.327.556.427

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lỗ lũy kế VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	865.000.000.000	241.713.457	(187.695.933.442)	677.545.780.015
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	15.125.718.619	15.125.718.619
Thù lao và phụ cấp cho HĐQT và Ban Kiểm soát	-	-	(174.000.000)	(174.000.000)
Giảm khác	-	-	(52.000.000)	(52.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	865.000.000.000	241.713.457	(172.796.214.823)	692.445.498.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Số lượng cổ phần Đơn vị	Giá trị VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	76.225.330	762.253.300.000	88,12
Các cổ đông khác	10.274.670	102.746.700.000	11,88
	86.500.000	865.000.000.000	100

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 Đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Đơn vị
Số lượng cổ phần được phép phát hành	86.500.000	86.500.000
Cổ phiếu thường	86.500.000	86.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	86.500.000	86.500.000
Cổ phiếu thường	86.500.000	86.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu thường	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	86.500.000	86.500.000
Cổ phiếu thường	86.500.000	86.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

19. DOANH THU

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	53.458.094.602	34.020.009.260
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	73.261.794.671	69.171.612.750
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	2.973.000.000	1.430.000.000
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	8.102.568.335	7.921.495.900
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	15.857.051.819	20.490.497.431
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	5.595.712.466	5.916.923.122
Doanh thu về vốn kinh doanh	59.252.563.393	82.174.757.013
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	218.500.785.286	221.125.295.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	224.962.586.300	242.900.138.046
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	29.408.840.448	19.123.368.130
Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	3.982.536.236	4.110.891.934
Lỗ tự doanh chứng khoán	105.639.496.808	138.661.192.859
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	3.282.825.000	2.229.750.000
Chi phí tư vấn cho người đầu tư	2.464.262.356	875.824.363
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	21.472.003.053	16.499.816.049
Chi phí trực tiếp chung về hoạt động kinh doanh	58.712.622.399	61.399.294.711
Hoàn nhập dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	(53.445.662.446)	(50.623.672.283)
	171.516.923.854	192.276.465.763

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Chi phí nhân viên	2.838.842.509	2.604.731.142
Chi phí vật liệu quản lý	131.160.679	129.828.294
Chi công cụ, đồ dùng văn phòng	124.134.421	12.831.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.750.383	263.981.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.314.365.792	2.310.738.734
Thuế, phí và lệ phí	219.940.321	208.992.303
Chi dự phòng các khoản phải thu khó đòi	26.591.883.772	1.247.719.331
Chi phí khác bằng tiền	780.823.197	1.012.069.924
	33.059.901.074	7.790.892.812

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

22.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty CP Bảo hiểm BIDV (BIC)	Công ty con của BIDV
BIDV Tower	Công ty liên doanh với BIDV
Ngân hàng Lào Việt	Công ty con của BIDV

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Thu nhập VNĐ	Chi phí VNĐ	Giá trị giao dịch VNĐ
Ngân hàng mẹ	Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.007.617.641	-	-
	Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.857.589.143	-	-
	Thu phí môi giới chứng khoán	868.687.813	-	-
	Thu lãi trái phiếu	941.710.083	-	-
Công ty con của BIDV	Thu phí tư vấn phát hành, đại lý lưu ký và thanh toán chứng khoán	7.625.000.000	-	-
	Phí quản lý cổ đông	36.363.636	-	-
	Phí trả cho các điểm hỗ trợ giao dịch	-	6.693.210.726	-
	Chi phí chuyển tiền	-	26.784.225	-
Công ty Liên doanh với BIDV	Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.152	-	-
	Thu phí lưu ký chứng khoán	9.982.620	-	-
Công ty con của BIDV	Chi phí thuê văn phòng	-	12.918.106.145	-

Số dư của Công ty với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

Công ty liên quan	Các giao dịch	Khoản phải thu (VNĐ)	Khoản phải trả (VNĐ)
Ngân hàng mẹ	Tiền gửi	267.514.869.324	-
	Đầu tư vào Trái phiếu	9.787.401.661	-
	Dự thu lãi Trái phiếu	615.105.430	-
	Dự thu lãi tiền gửi	14.000.000	-
Công ty Liên doanh với BIDV	Phí trả cho các điểm hỗ trợ giao dịch	-	758.811.747
	Đặt cọc thuê văn phòng	2.328.997.104	-
	Đầu tư vào cổ phiếu	27.750	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Tư vấn tài chính	Các bộ phận khác	Tổng cộng
--	--------------------------------	----------	------------------	------------------	-----------

Cho năm tài chínhKết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

1.	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	59.053.807.068 (33.391.376.684)	73.261.794.671 (52.193.834.362)	26.932.620.154 (5.747.087.356)	59.252.563.393 (21.472.003.053)	218.500.785.286 (112.804.301.455)
2.	Các chi phí trực tiếp	(15.868.152.927)	(19.685.934.223)	(7.236.975.168)	(15.921.560.081)	(58.712.622.399)
3.	Khấu hao và các chi phí phân bổ (*)	(8.935.038.916)	(11.084.755.056)	(4.074.995.688)	(8.965.111.414)	(33.059.901.074)
4.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	859.238.541	(9.702.728.970)	9.873.561.942	12.893.888.845	13.923.960.358

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

1.	Tài sản bộ phận	167.672.079.144	845.157.779.158	366.500.000	362.492.480.493	1.375.688.838.795
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	156.827.598.436	-	-	4.200.000.000	161.027.598.436
-	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	627.412.078.658	-	300.000.000.000	927.412.078.658
-	Phải thu khách hàng	-	-	366.500.000	-	366.500.000
-	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	35.686.363.968	195.226.689.215	-	55.070.147.160	285.983.200.343
-	Phải thu khác	138.471.301	6.808.489.476	-	3.222.333.333	10.169.294.110
-	Dự phòng phải thu khó đòi	(24.980.354.561)	(3.255.000.000)	-	-	(28.235.354.561)
-	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	18.965.521.809	-	-	18.965.521.809
2.	Tài sản phân bổ (*)	44.904.805.395	55.708.629.061	20.479.696.853	45.055.940.682	166.149.071.991
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	40.299.741.749	49.995.615.048	18.379.469.347	40.435.377.856	149.110.204.000
-	Trả trước cho người bán	20.859.925	25.878.696	9.513.568	20.930.133	77.182.322
-	Phải thu khác	32.101.666	39.825.132	14.640.580	32.209.711	118.777.089
-	Hàng tồn kho	5.993.295	7.435.246	2.733.357	6.013.467	22.175.365
-	Tài sản ngắn hạn khác	83.276.153	103.311.890	37.979.685	83.556.433	308.124.161
-	Tài sản cố định	403.384.580	500.436.462	183.971.266	404.742.245	1.492.534.553
-	Tài sản dài hạn khác	4.059.448.027	5.036.126.587	1.851.389.050	4.073.110.837	15.020.074.501
3.	Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản		212.576.884.539	900.866.408.219	20.846.196.853	407.548.421.175	1.541.837.910.786

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)						
22.2	Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)					
	Đơn vị: đồng Việt Nam					
	Mối giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Tư vấn tài chính	Các bộ phận khác	Tổng cộng	
1.	Nợ phải trả bộ phận	2.801.055.600	1.515.540.722	584.380.779.144	841.303.076.000	
-	Người mua trả tiền trước	-	1.515.540.722	-	1.515.540.722	
-	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.337.008.800	-	-	161.749.907.067	
-	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	41.339.692.793	-	-	41.339.692.793	
-	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.657.175.784	-	-	1.657.175.784	
-	Chi phí phải trả	-	-	808.149.144	808.149.144	
-	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	-	-	164.572.630.000	164.572.630.000	
-	Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	419.000.000.000	
-	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	1.464.046.800	-	-	50.659.980.490	
2.	Nợ phải trả phân bổ (*)	2.712.298.189	997.099.474	2.193.648.423	8.089.336.152	
-	Phải trả người bán	606.289.438	222.885.110	490.353.854	1.808.237.417	
-	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	118.881.001	43.703.227	96.148.396	354.558.500	
-	Phải trả người lao động	1.623.584.180	596.864.658	1.313.119.955	4.842.284.029	
-	Chi phí phải trả	33.529.305	12.326.098	27.117.780	100.000.000	
-	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	330.014.265	121.320.381	266.908.438	984.256.206	
-	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	
3.	Nợ phải trả không phân bổ	5.513.353.789	2.512.640.196	586.574.427.567	849.392.412.152	
	Tổng cộng nợ	254.791.990.600	2.512.640.196	586.574.427.567	849.392.412.152	

(*) Chi phí, tài sản và nợ phải trả được phân bổ cho từng bộ phận góp tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chung khoán.

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đến 1 năm	13.293.737.280	15.665.459.040
Trên 1 - 5 năm	13.384.213.920	39.761.235.360
Trên 5 năm	1.157.051.280	8.868.940.080
	27.835.002.480	64.295.634.480

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

22.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VNĐ	15.125.718.619	21.174.558.238
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu – đơn vị	86.500.000	86.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VNĐ	175	245

22.5 Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong hoạt động kinh doanh thông thường.

Với mục tiêu trở thành một công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.5. Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng.Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết của Công ty là 442.410.840.800 VNĐ.Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì sẽ lãi của Công ty sẽ giảm đi khoảng 38.141.933.905 VNĐ, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không.Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lãi của Công ty sẽ tăng lên khoảng 4.855.648.651 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.5. Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng mẹ, vì vậy công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ khoản phải thu bị suy giảm như được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)
- 22.5. Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)
- Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Quá hạn nhưng không bị suy giảm					
	Không quá hạn và không bị suy giảm	Dưới 3 tháng	3 – 6 tháng	6 – 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	519.255.566.197	-	-	-	-	519.255.566.197
Giữ đến ngày đáo hạn – Chứng khoán Nợ	17.606.732.864	-	-	-	-	17.606.732.864
Nắm giữ để kinh doanh – Chứng khoán Nợ	198.440.500.000	-	-	-	-	198.440.500.000
Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	303.208.333.333	-	-	-	-	303.208.333.333
Tài sản tài chính khác	277.930.698.704	-	-	-	1.395.000.000	279.325.698.704
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	262.318.044.103	-	-	-	-	262.318.044.103
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	2.844.307.104	-	-	-	-	2.844.307.104
Phải thu khác	12.768.347.497	-	-	-	1.395.000.000	14.163.347.497
TỔNG CỘNG	797.186.264.901	-	-	-	1.395.000.000	798.581.264.901

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)
- 22.5. Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)
- Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)
- Đơn vị tính: đồng Việt Nam

31 tháng 12 năm 2013	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Đầu tư kỳ hạn cố định	-	-	303.208.333.333	198.440.500.000	17.606.732.864	519.255.566.197
Giữ đến ngày đáo hạn – Chứng khoán Nợ	-	-	-	-	17.606.732.864	17.606.732.864
Nắm giữ để kinh doanh – Chứng khoán Nợ	-	-	-	198.440.500.000	-	198.440.500.000
Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	-	-	303.208.333.333	-	-	303.208.333.333
Đầu tư vốn	-	428.971.578.658	2.200.000.000	-	-	431.171.578.658
Sẵn sàng để bán	-	-	2.200.000.000	-	-	2.200.000.000
Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	428.971.578.658	-	-	-	428.971.578.658
Tài sản tài chính khác	1.395.000.000	-	277.930.698.704	-	-	279.325.698.704
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	262.318.044.103	-	-	262.318.044.103
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	2.844.307.104	-	-	2.844.307.104
Phải thu khác	1.395.000.000	-	12.768.347.497	-	-	14.163.347.497
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	305.937.802.436	4.200.000.000	-	-	310.137.802.436
TỔNG CỘNG	1.395.000.000	734.909.381.094	587.539.032.037	198.440.500.000	17.606.732.864	1.539.890.645.995
NỢ TÀI CHÍNH						
Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	584.380.779.144	-	-	584.380.779.144
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	203.089.599.860	-	-	203.089.599.860
Phải trả, phải nộp khác	-	-	59.720.234.578	-	-	59.720.234.578
TỔNG CỘNG	-	-	847.190.613.582	-	-	847.190.613.582
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.395.000.000	734.909.381.094	(259.651.581.545)	198.440.500.000	17.606.732.864	692.700.032.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.6 Thuyết minh bổ sung tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC và tuân thủ các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và chưa được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.6 Thuyết minh bổ sung tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210 (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.6 Thuyết minh bổ sung về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210 (tiếp theo)

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ
- Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch hoặc dựa trên ít nhất ba (03) báo giá từ các công ty chứng khoán lớn và có uy tín. Trong trường hợp không có ít nhất ba báo giá, Công ty dựa trên các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy trên thị trường hoặc dựa vào khả năng tài chính của đối tác để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.6 Thuyết minh bổ sung về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	1.010.498.527.437	(79.878.115.446)	749.510.094.969	(172.687.934.521)	N/A	N/A
- Cổ phiếu niêm yết	129.559.905.458	(31.651.784.889)	215.850.317.305	(123.003.345.064)	109.143.102.100	92.861.875.800
- Cổ phiếu trên sàn Upcom	20.130.671	(4.338.182)	179.826.357	(118.609.368)	20.073.100	63.227.900
- Cổ phiếu chưa niêm yết	379.269.657.975	(48.221.992.375)	428.354.709.189	(49.565.980.089)	N/A	N/A
- Trái phiếu (**)	198.440.500.000	-	100.368.042.118	-	N/A	N/A
- Ủy thác đầu tư	-	-	4.757.200.000	-	-	N/A
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	-	-	4.757.200.000	-	-	N/A
- Hợp đồng tiền gửi	303.208.333.333	-	-	-	303.208.333.333	-
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	49.325.043.164	(29.518.310.300)	130.029.443.207	(23.542.610.300)	N/A	N/A
- Cổ phiếu chưa niêm yết	31.718.310.300	(29.518.310.300)	119.544.540.738	(23.542.610.300)	N/A	N/A
- Trái phiếu (**)	17.606.732.864	-	10.484.902.469	-	N/A	N/A
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	287.298.398.664	(24.980.354.561)	133.241.743.800	(1.643.470.789)	262.318.044.103	131.598.273.011
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	2.844.307.104	-	2.983.234.752	-	N/A	N/A
Phải thu khác	17.418.347.497	(3.255.000.000)	12.272.796.679	(37.710.559)	N/A	N/A
Tiền và các khoản tương đương tiền	310.137.802.436	-	470.115.194.719	-	310.137.802.436	470.115.194.719
Tổng cộng tài sản tài chính	1.677.522.426.302	(137.631.780.307)	1.498.152.508.126	(197.911.726.169)	N/A	NA

(*) Bao gồm các cổ phiếu chưa niêm yết không có đủ ba (03) báo giá, do không có các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy để xác định giá trị thị trường của cổ phiếu, các cổ phiếu này đang được phản ánh theo giá gốc.

(**) Không có đủ thông tin để xác định giá trị trường của trái phiếu nên các trái phiếu này đang được phản ánh theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22.

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.6

Thuyết minh bổ sung về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ ngắn hạn	584.380.779.144	114.428.597.222	584.380.779.144	114.428.597.222
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	203.089.599.860	173.601.381.619	N/A	N/A
Phải trả phải nộp khác	59.720.234.578	341.280.454.553	N/A	N/A
Tổng cộng nợ phải trả tài chính	847.190.613.582	629.310.433.394	N/A	N/A

N/A:Không thể xác định được giá trị hợp lý do không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này và các quy định có liên quan.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

23.7

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Người lập:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Trần Ngọc Diệp
Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán

Người phê duyệt:

Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày10 tháng 03 năm 2014

